

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Hồng Nhung

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG &
THƯƠNG MẠI HUY DŨNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Bùi Hồng Nhung

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Hồng Nhung

Mã SV: 1213401120

Lớp: QTL603K

Ngành: Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2013 của Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Hồng Nhung

Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.
- + Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Bùi Hồng Nhung** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại & xây dựng Huy Dũng. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2013). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại & xây dựng Huy Dũng. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 24 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thu

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.1.2.1. Doanh thu và phân loại doanh thu:	2
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	3
1.1.2.3. Chi phí và phân loại chi phí.	4
1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	5
1.1.3. Vai trò và ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.1.3.1. Ý nghĩa hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: ..	5
1.1.3.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. .	6
1.1.4. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.5. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.	6
1.1.5.1.Bán hàng:.....	6
1.1.5.2. Các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.....	7
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	8
1.2.1.1. Kế toán khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	20
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	20
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	22
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	24

1.2.4.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	26
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	28
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	28
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	30
1.2.5.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	32
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	33
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	36
1.3.1. Sổ sách kế toán áp dụng vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	36
1.3.2. Hình thức kế toán áp dụng vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	36
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG.....	38
2.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	38
2.1.1 Thông tin khái quát chung về công ty.....	38
2.1.1.1.Khái quát chung về Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	38
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	38
2.1.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.	39
2.1.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	39
2.1.2. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	41
2.1.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán:.....	41
2.1.2.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng:	43
2.1.2.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán.....	43
2.1.2.4. Tổ chức hệ thống sổ sách, hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	44
2.1.2.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	45
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	46

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	46
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa:	46
2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại công ty:.....	46
2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng.....	46
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	55
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	63
2.2.3.1. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	63
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	69
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	69
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	69
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	76
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG.	84
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	84
3.1.1. Ưu điểm.....	84
3.1.1.1. Tổ chức bộ máy kế toán:	84
3.1.1.2. Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 84	
3.1.2. Nhược điểm.....	85
3.1.3 . Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	87
3.1.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.	87
3.1.3.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	88
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.	88
KẾT LUẬN	100

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã và đang mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới đã mở ra những cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Việc này tạo ra cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nhưng cũng lại đặt ra những thách thức đối với doanh nghiệp. Để tồn tại và ổn định được trên thị trường đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng vận động, nâng cao tính tự chủ, năng động để tìm ra phương thức kinh doanh có hiệu quả tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao để từ đó mới có sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

Để tồn tại doanh nghiệp cần có những chiến lược kinh doanh thích hợp và phương pháp quản lý doanh nghiệp hiệu quả ở mỗi giai đoạn. Doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu chất lượng phản ánh đích thực tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đã cố gắng tìm ra hướng kinh doanh để đem lại doanh thu cho doanh nghiệp thì việc sử dụng những chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải hợp lý và tiết kiệm để phản ánh đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, nó liên quan chặt chẽ đến chi phí bỏ ra và lợi nhuận đem lại.

Xuất phát từ lý luận đồng thời kết hợp với thời gian thực tập tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng, được sự giúp đỡ của thầy giáo hướng dẫn Th.s Nguyễn Văn Thụ và cán bộ nhân viên trong phòng tài chính kế toán của công ty đã giúp em nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Do đó em đã chọn đề tài “**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng**”.

Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương chính như sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Để công cụ kế toán phát huy hết tác dụng của mình đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng cải thiện hơn nữa, đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt thông tin, số liệu cần thiết và chính xác từ bộ phận kế toán giúp cho các nhà quản lý có cái nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh từng thời kỳ nhất định. Vì vậy, việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại. Từ đó, đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

1.1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Doanh thu và phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** : Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**: Là khoản chênh

lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như : hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại,...

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn, . . .

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu (XK), thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:**

Được xác định theo số lượng sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- + Thuế TTĐB: Là loại thuế đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như : Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá, . . .

- + Thuế XK: Là một loại sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.2.3. Chi phí và phân loại chi phí.

❖ **Chi phí:** Là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại hoặc dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

❖ Phân loại chi phí:

• **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

• **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu bao bì; Chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng; Chi phí khấu hao tài sản cố định; Chi phí bảo hành sản phẩm; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

• **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; Chi phí vật liệu quản lý; Chi phí đồ dùng văn phòng; Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuế, phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

• **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí đi vay và cho vay vốn; Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, . . .

• **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế,...

• **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):**

+ Thuế TNDN là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động

sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

+ Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Kết quả hoạt động kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần; Giá vốn hàng bán; Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- **Hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác; Chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

❖ **Lãi sau thuế:** Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lãi sau thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.3. Vai trò và ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Ý nghĩa hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tài sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia vốn cổ phần, . . .

Xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh từng thời kỳ nhất định được thể hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Nó có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại hay phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng.

1.1.3.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Vì vậy, việc tập hợp doanh thu, chi phí và xác định các chỉ tiêu lãi lỗ để phản ánh đúng đắn tình hình kinh doanh của doanh nghiệp là rất cần thiết. Xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để Ban giám đốc doanh nghiệp có sự phân tích, nhận xét đáng giá đúng về tình hình kinh doanh. Từ đó, khắc phục những tồn tại phát huy ưu điểm và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, hợp lý và cụ thể.

Thông qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra những báo cáo kế toán, cung cấp thông tin giúp nhà đầu tư giúp họ đưa ra những quyết định hợp lý để đầu tư có lợi nhuận cao nhất.

Là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các khoản nộp nghĩa vụ cho Nhà nước như: Thuế, phí, lệ phí, . . .

1.1.4. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: Số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị, . . .

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp; . . .

Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.5. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.5.1. Bán hàng:

❖ **Bán hàng:** Là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào và bất động sản đầu tư.

❖ **Bản chất của quá trình bán hàng:**

Quá trình bán hàng là quá trình hoạt động kinh tế bao gồm hai mặt: Doanh nghiệp đem bán hàng hóa đồng thời đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền người mua hàng. Hàng hóa cung cấp nhằm để thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng và sản xuất của xã hội gọi là bán ra ngoài. Trường hợp hàng hóa cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty được gọi là bán hàng trong nội bộ.

❖ Ý nghĩa công tác bán hàng:

Công tác bán hàng có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó là công đoạn cuối cùng của giai đoạn tái sản xuất. Doanh nghiệp khi thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo ra điều kiện thu hồi vốn, bù đắp chi phí, thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước thông qua việc nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp,...

1.1.5.2. Các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.

❖ Phương pháp bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua hàng tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- **Bán buôn:** Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện.

- **Bán lẻ:** Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

❖ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

❖ Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm.

❖ Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang

sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

❖ **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, một tập đoàn, . . Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách mang lại.

Các hàng hóa đem biếu, tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

Hiểu theo một nghĩa khác thì doanh thu bán hàng của doanh nghiệp là bao gồm toàn bộ số tiền đã thu được hoặc có quyền đòi về do việc bán hàng hóa trong một thời gian nhất định.

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau theo chuẩn mực số 14 (Ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC):

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời

theo nguyên tắc phù hợp.

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách chắc chắn, đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

➤ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và dịch vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư,...

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế XK).

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Trường hợp bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào

doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

➤ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

❖ **Chứng từ sử dụng:**

+ Hóa đơn GTGT (theo phương pháp khấu trừ); Hóa đơn bán hàng thông thường;

+ Phiếu xuất kho – Mẫu số 02_VT; Phiếu thu – Mẫu số 01 – TT

+ Giấy báo có của Ngân hàng;

+ Các chứng từ khác có liên quan;

❖ **Tài khoản sử dụng:**

❖ **Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

✓ *TK 511 được mở chi tiết 6 tài khoản cấp 2:*

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hàng hóa.

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm.

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

+ Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

+ Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

✓ *Kết cấu TK 511 :*

Bên Nợ:

Số thuế TTĐB hoặc thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán; Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Doanh thu hàng bán trả lại cuối kỳ.

Các khoản chiết khấu thương mại; Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ:

❖ **TK 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”**

✓ *Tài khoản 512 được mở chi tiết 3 tài khoản cấp 2:*

+ Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa.

+ Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm.

+ Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

✓ *Kết cấu của TK 512 (TK 512)*

Bên Nợ:

Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp; Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

Kết chuyển doanh thu bán hàng của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

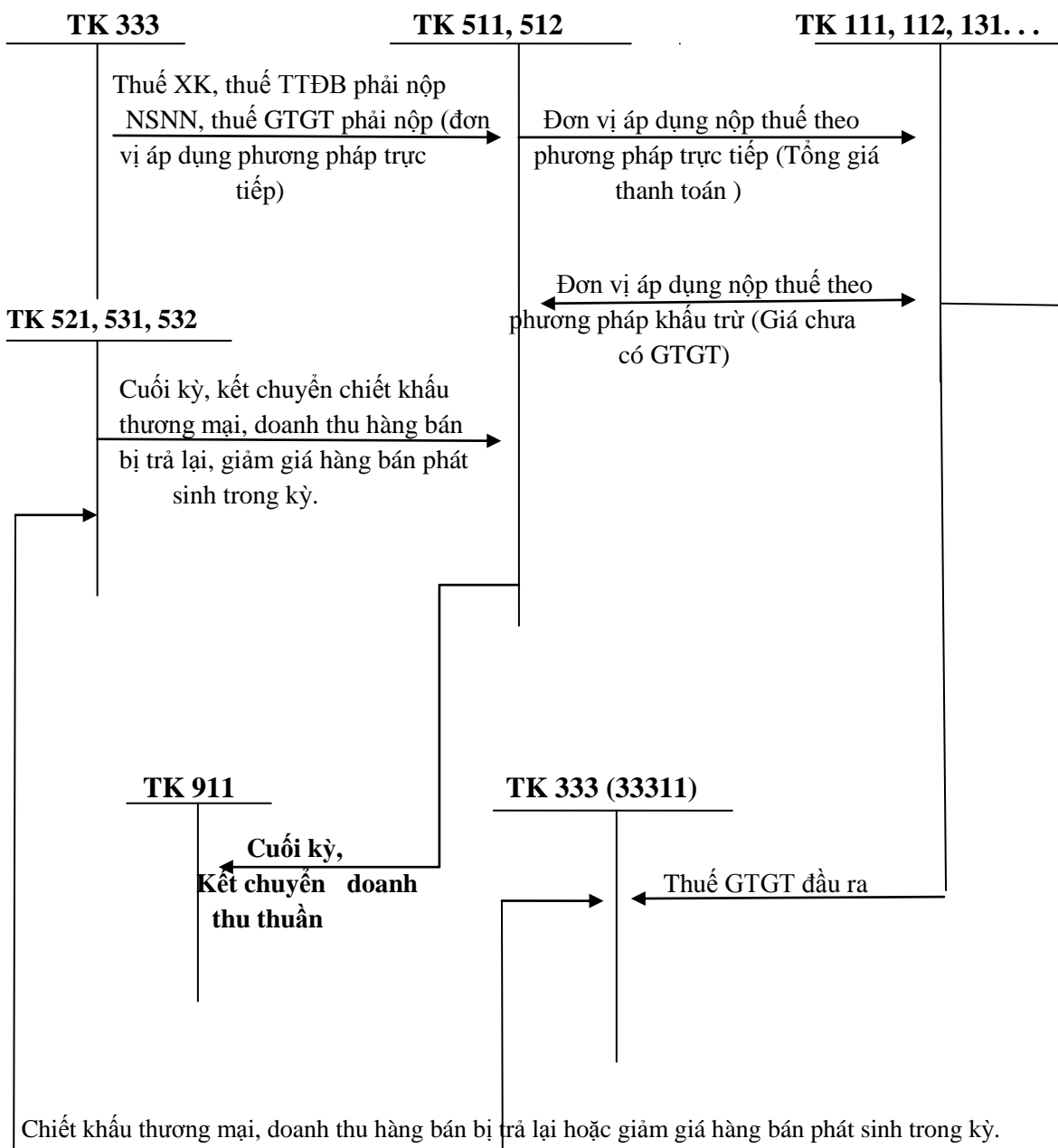
Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.



1.2.1.1. Kế toán khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng thông thường;
- + Hợp đồng mua bán;
- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi; Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Các chứng từ liên quan: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại;

❖ Tài khoản sử dụng:**❖ TK 521 – “ Chiết khấu thương mại ”****✓ TK 521 – Chiết khấu thương mại tài khoản cấp 2:**

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa.
- + Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm.
- + Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ.

TK 511 dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua bán, bán hàng.

✓ Kết cấu của TK 521:**Bên Nợ:**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ.**❖ TK 531 – “ Hàng bán bị trả lại”****✓ TK 531 – “Hàng bán bị trả lại”**

TK 531 dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ đã tiêu dùng bị khách mang trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách,. . .) được doanh nghiệp chấp nhận.

Trị giá hàng thuần của cửa hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ

trong kỳ kế toán.

TK 531 còn phản ánh giá trị của số hàng bán bị trả lại (tính theo đúng giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 – “Chi phí bán hàng”.

✓ *Kết cấu TK 531:*

Bên Nợ:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Bên Có:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào tài khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 532 – “Giảm giá hàng bán”**

✓ *TK 532 – “Giảm giá hàng bán”*

TK 532 dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán hàng chấp nhận trên thỏa thuận.

✓ *Kết cấu của TK 532 (TK 532):*

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

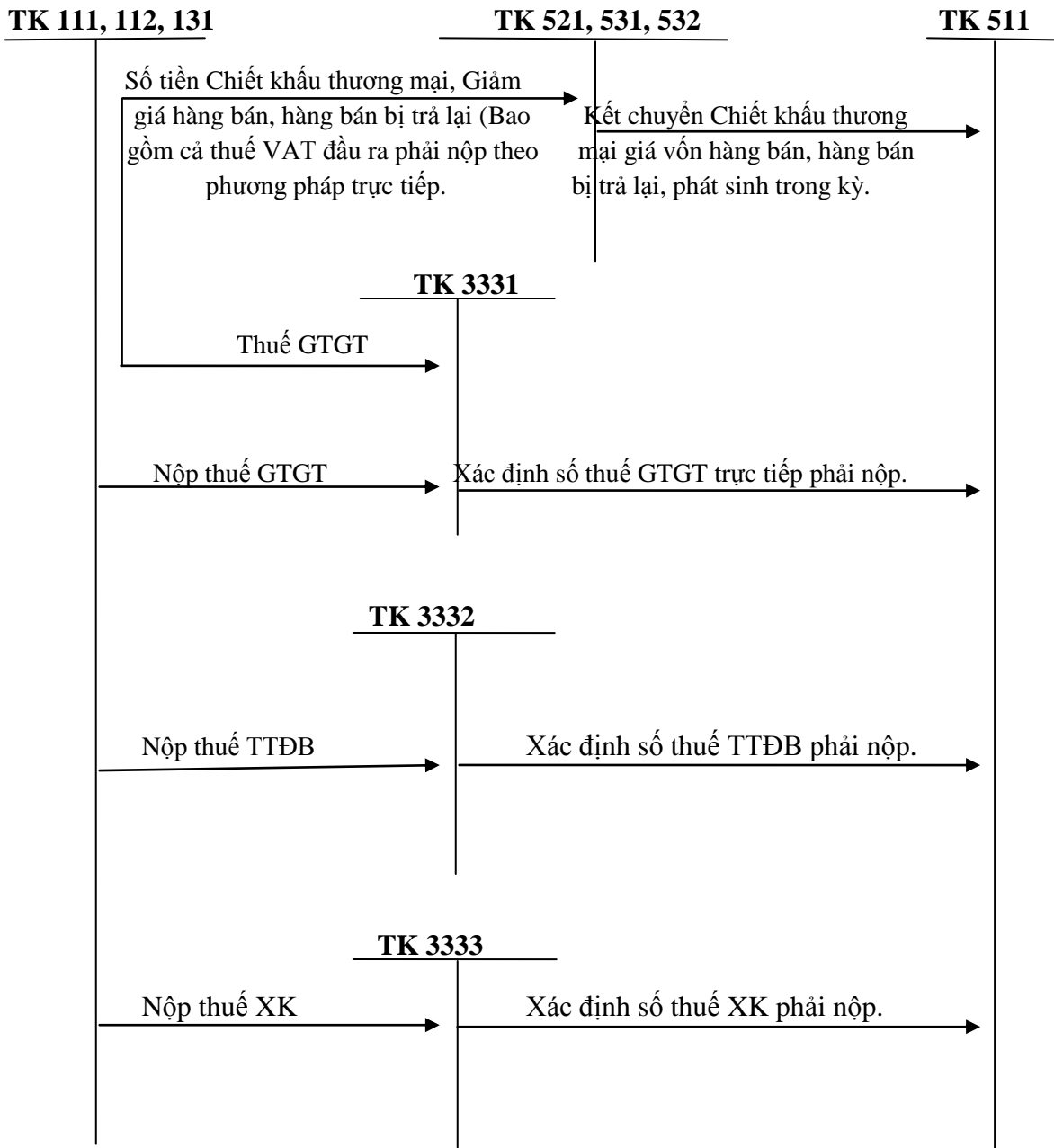
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra còn có các khoản giảm trừ doanh thu như: Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước theo phương pháp trực tiếp.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

❖ *Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.*

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng :

+ *Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

a. *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

b. Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

+ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Đối với doanh nghiệp thương mại, chi phí thu mua được theo dõi riêng và cuối kỳ phân bổ cho hàng tiêu dùng trong kỳ như sau:

$$\text{Phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu dùng trong nước} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Tổng trị giá hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \times \text{Tổng chi phí thu của hàng tồn kho đầu kỳ và phát sinh trong kỳ}$$

$$\text{Trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ} = \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} + \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu dùng trong kỳ}$$

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Phiếu xuất kho (Mẫu 01 – VT);
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT);
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”:** Giá vốn hàng là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ *Kết cấu TK 632:*

Bên Nợ:

Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;

Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; Chi phí Nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí Sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;

Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;

Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế Tài sản cố định(TSCĐ) vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

Bên Có:

Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

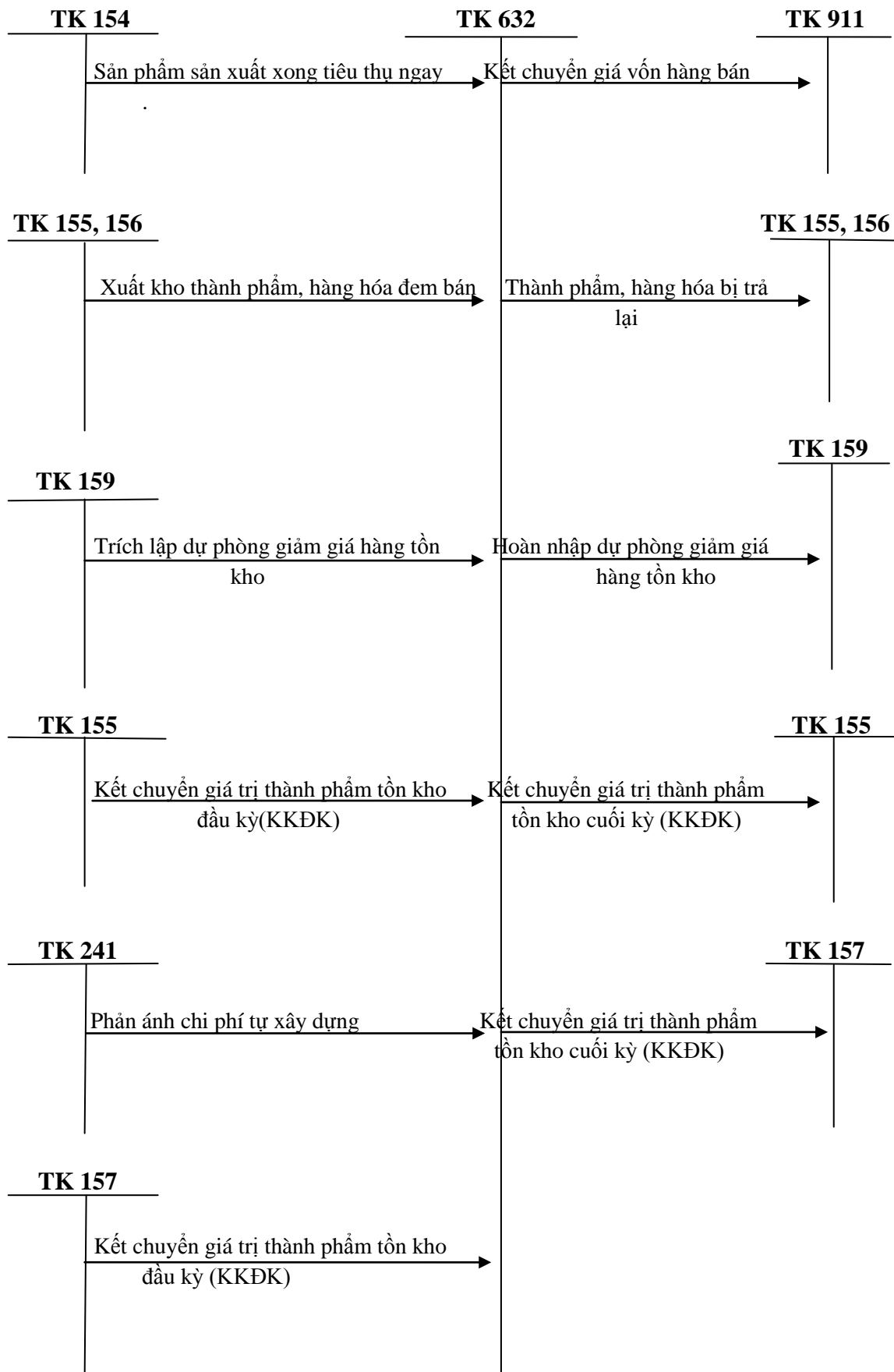
Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 – “ Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; Chi phí sửa chữa; Chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư;. . .

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng**

Kế toán chi phí bán hàng dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng; Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp); Chi phí bảo quản,...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương (Mẫu số 11 – LĐTL);
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ);
- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL);
- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – VT);...

❖ Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 641 – “ Chi phí bán hàng” có 7 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên.
 - + Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì.
 - + Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dung.
 - + Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành.
 - + Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác.
- ✓ Kết cấu TK 641:

Bên Nợ:

Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình mua bán và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

Các khoản giảm chi phí bán hàng.

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

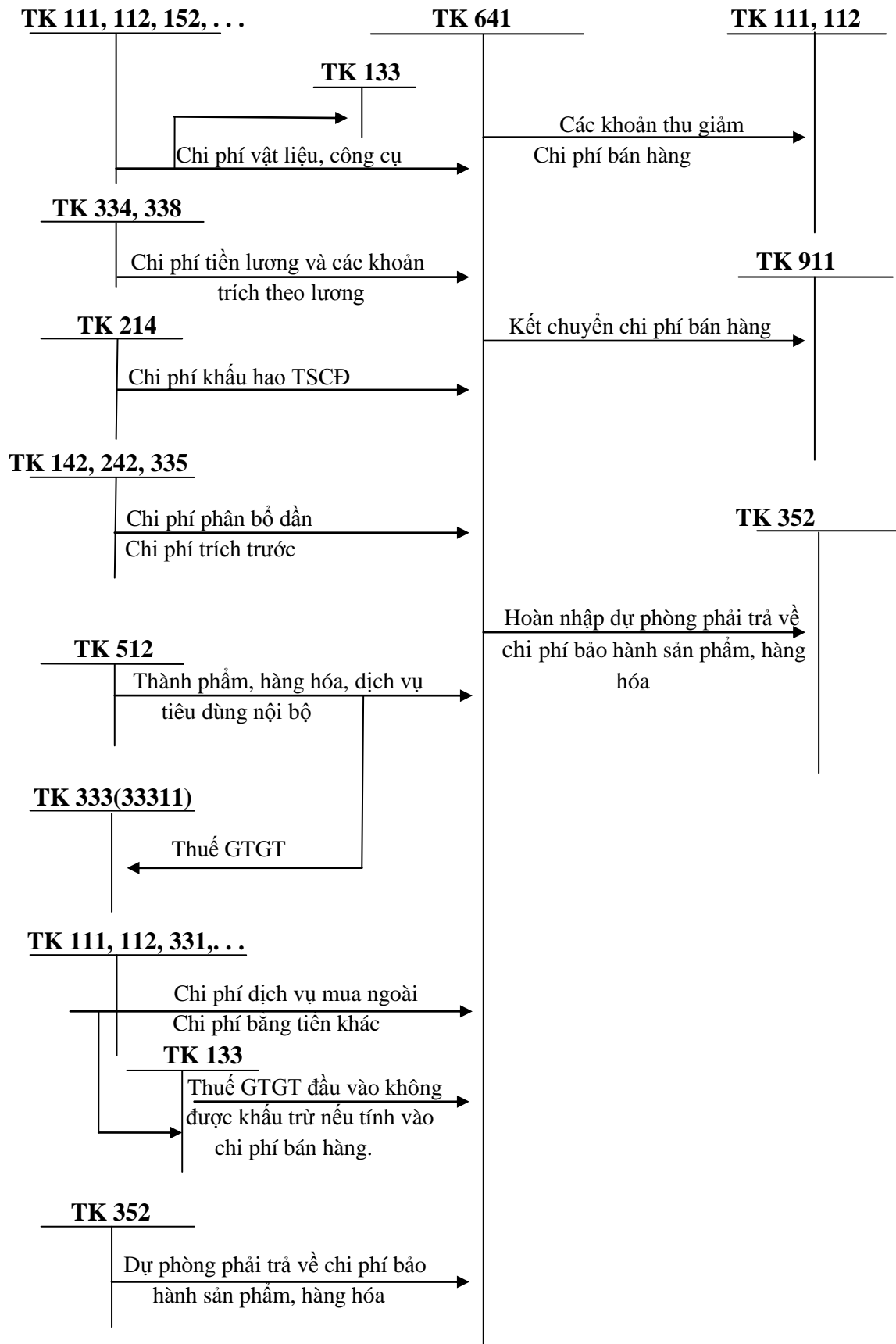
TK 641 không có số dư cuối kỳ.

TK 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu; Khấu hao TSCĐ; Dịch vụ mua ngoài,... Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành từng doanh nghiệp TK 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ TK 911 – “ Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.4: Hạch toán chi phí bán hàng.



1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tất cả các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL);
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ);
- + Bảng phân bổ NVL – CC, DC (Mẫu số 07 – VT);
- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL);
- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – VT);
- + Chứng từ kế toán khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- ✓ *TK 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” có 8 tài khoản cấp 2:*
 - + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.
 - + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
 - + TK 6426 – Chi phí dự phòng.
 - + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6428 – Chi phí tiền khác.
- ✓ *Kết cấu TK 642:*

Bên Nợ:

Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

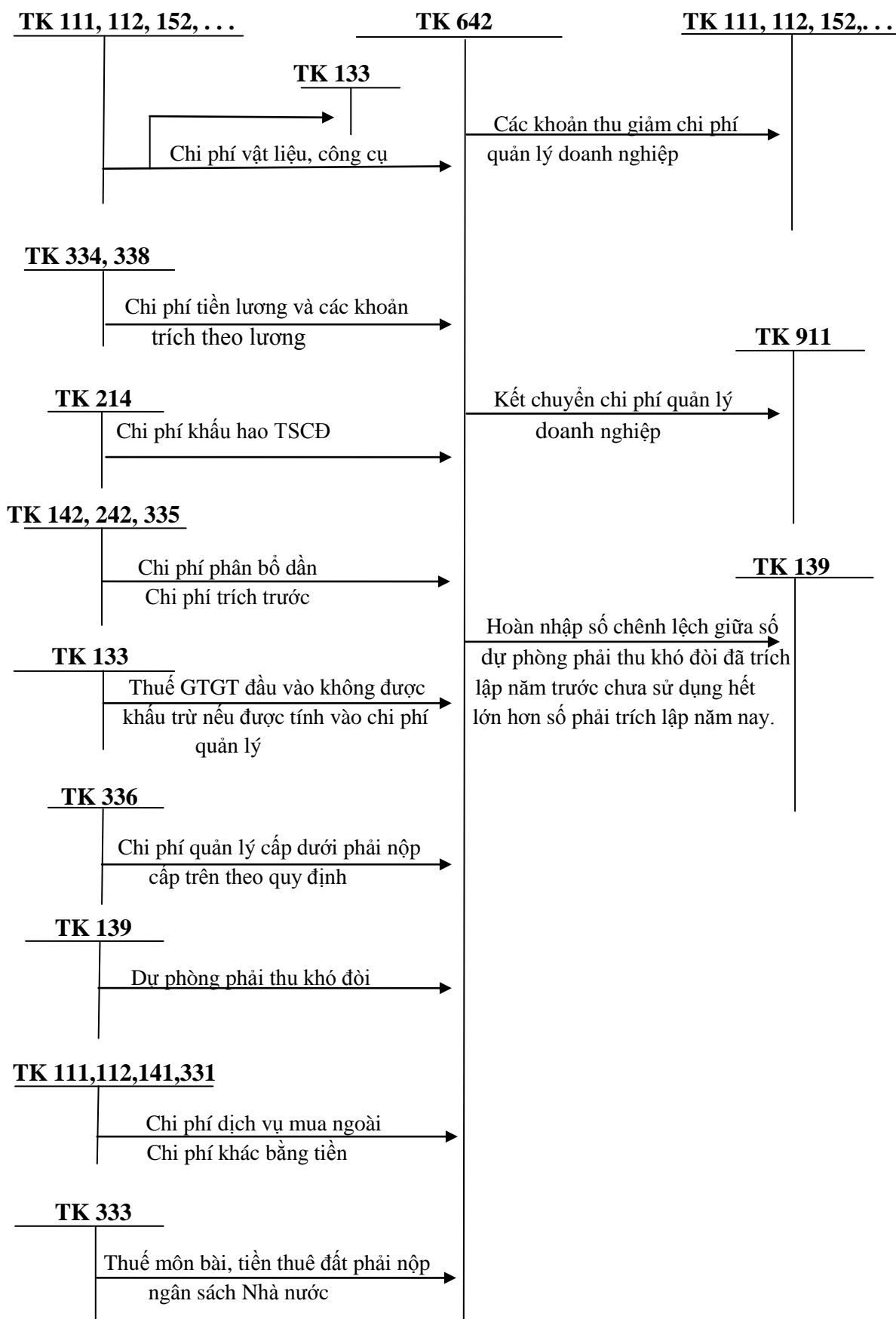
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

TK 642 dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng; Khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp;...

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo Lãi, giấy báo Có của Ngân hàng;
- + Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên Có:

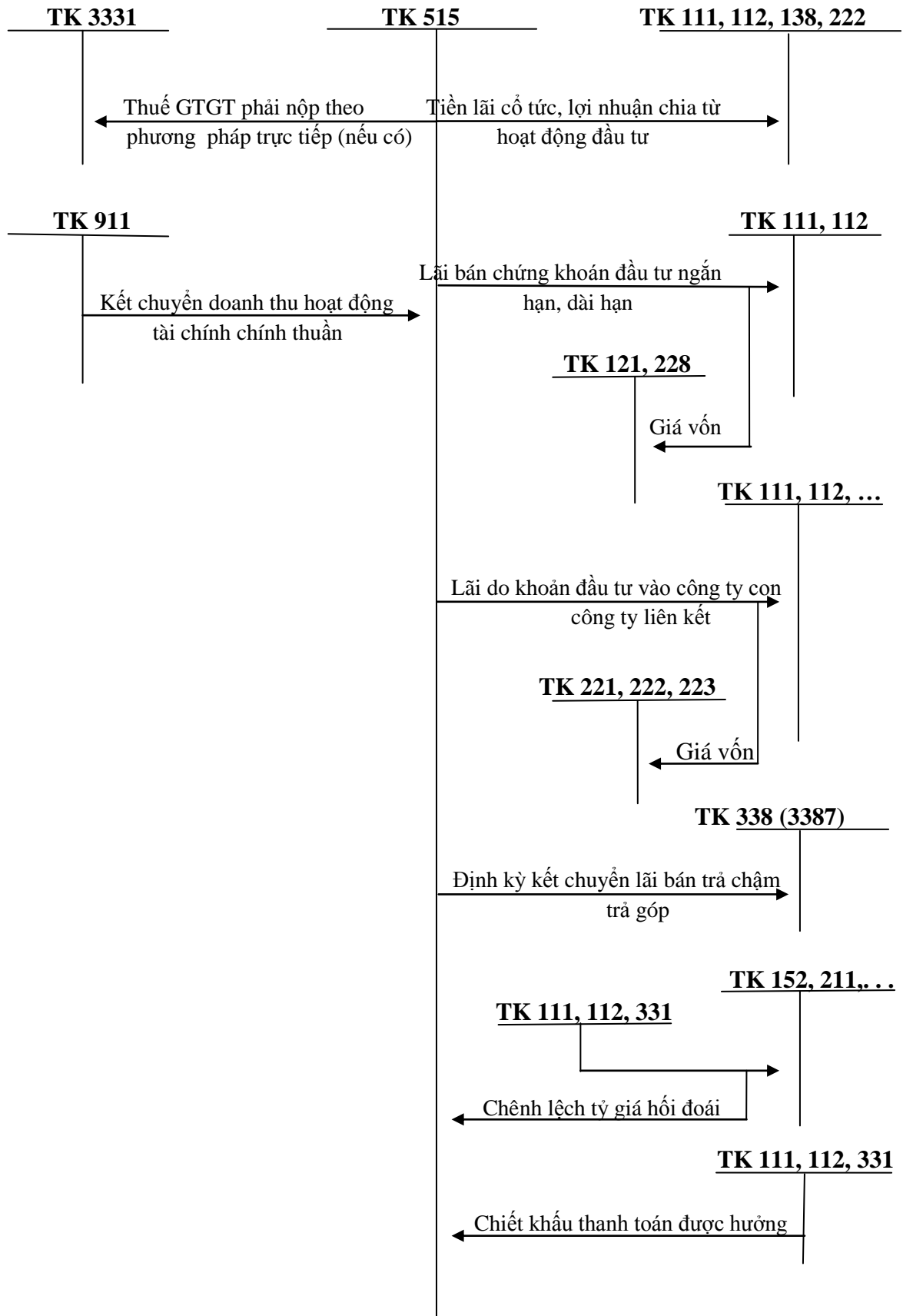
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



1.2.4.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT; Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu chi – Mẫu số 02 _ TT và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”
- ✓ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
Chiết khấu thanh toán cho người mua;

Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;

Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ bán ngoại tệ;

Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;

Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

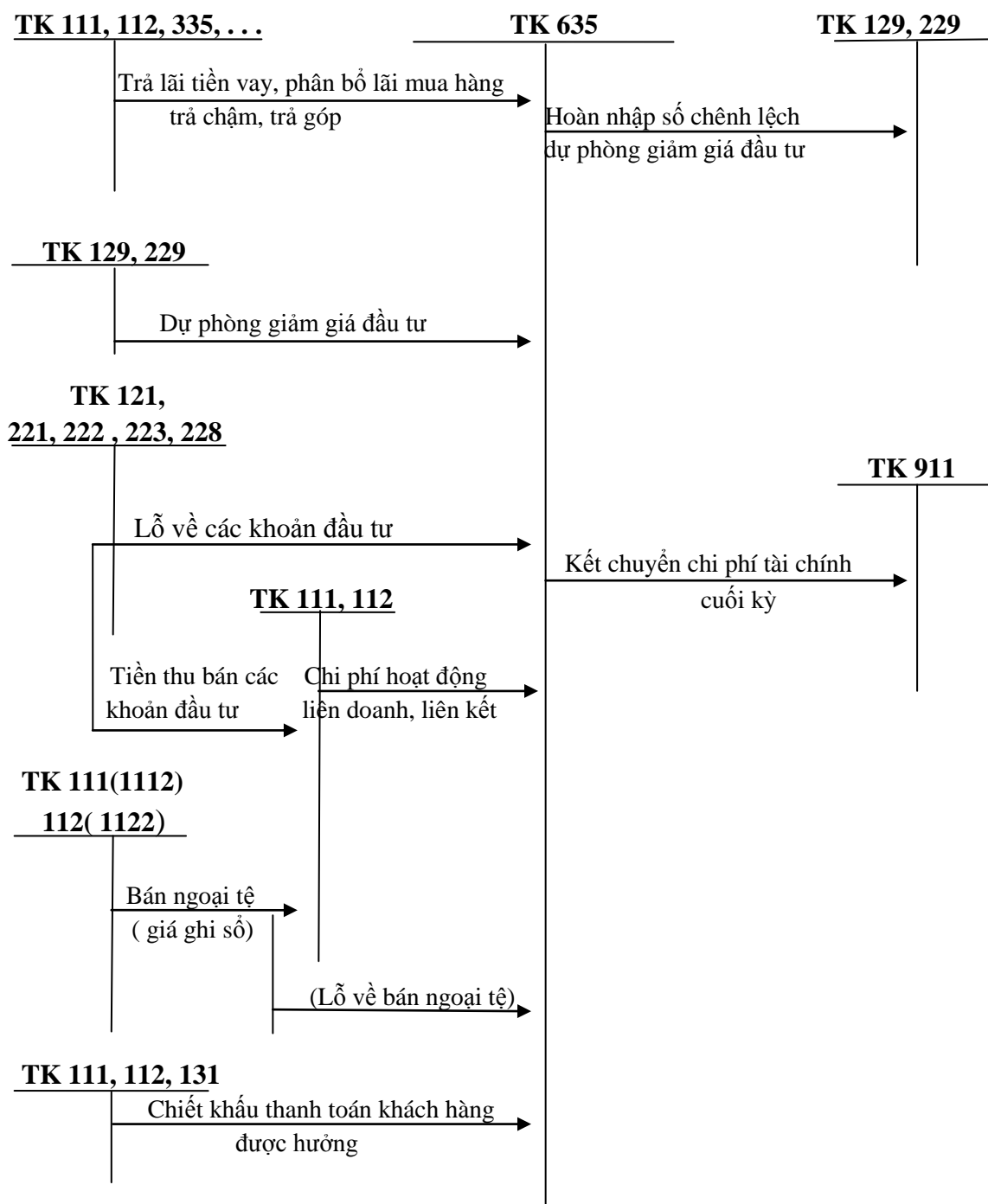
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn; Chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;...

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu – Mẫu số 01 _ TT, Phiếu chi – Mẫu số 02 _ TT;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng;...
- + Các chứng từ liên quan : Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 711 – “ Thu nhập khác ”
- ✓ Kết cấu của TK 711:

Bên Nợ:

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

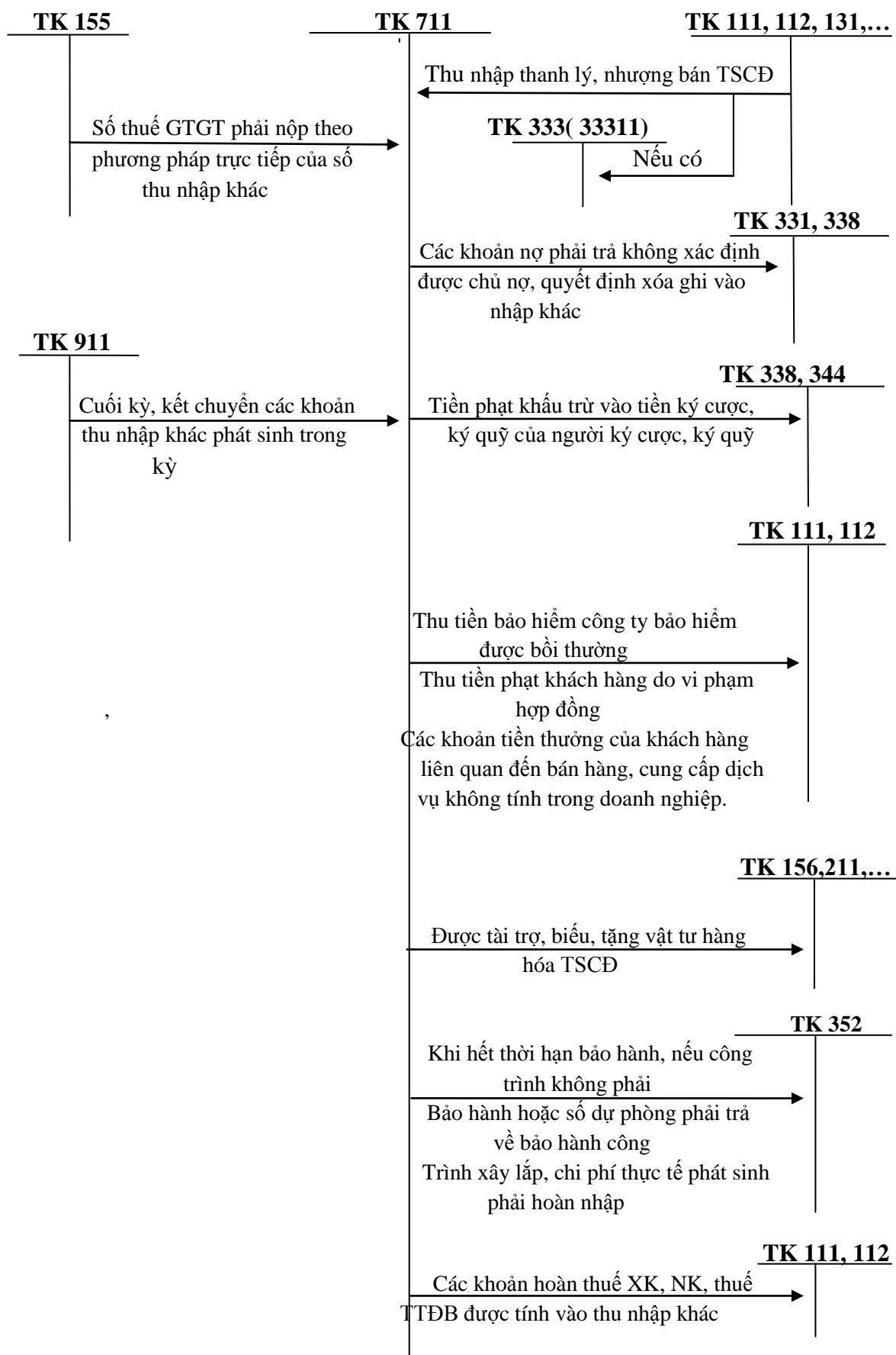
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền do các cá nhân cho tổ chức doanh nghiệp;
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- + Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá; Tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;...

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác.

1.2.5.2. *Kế toán chi phí hoạt động khác.*

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi – Mẫu số 01_ TT; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *Kết cấu của TK 811*

Bên Nợ:

Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

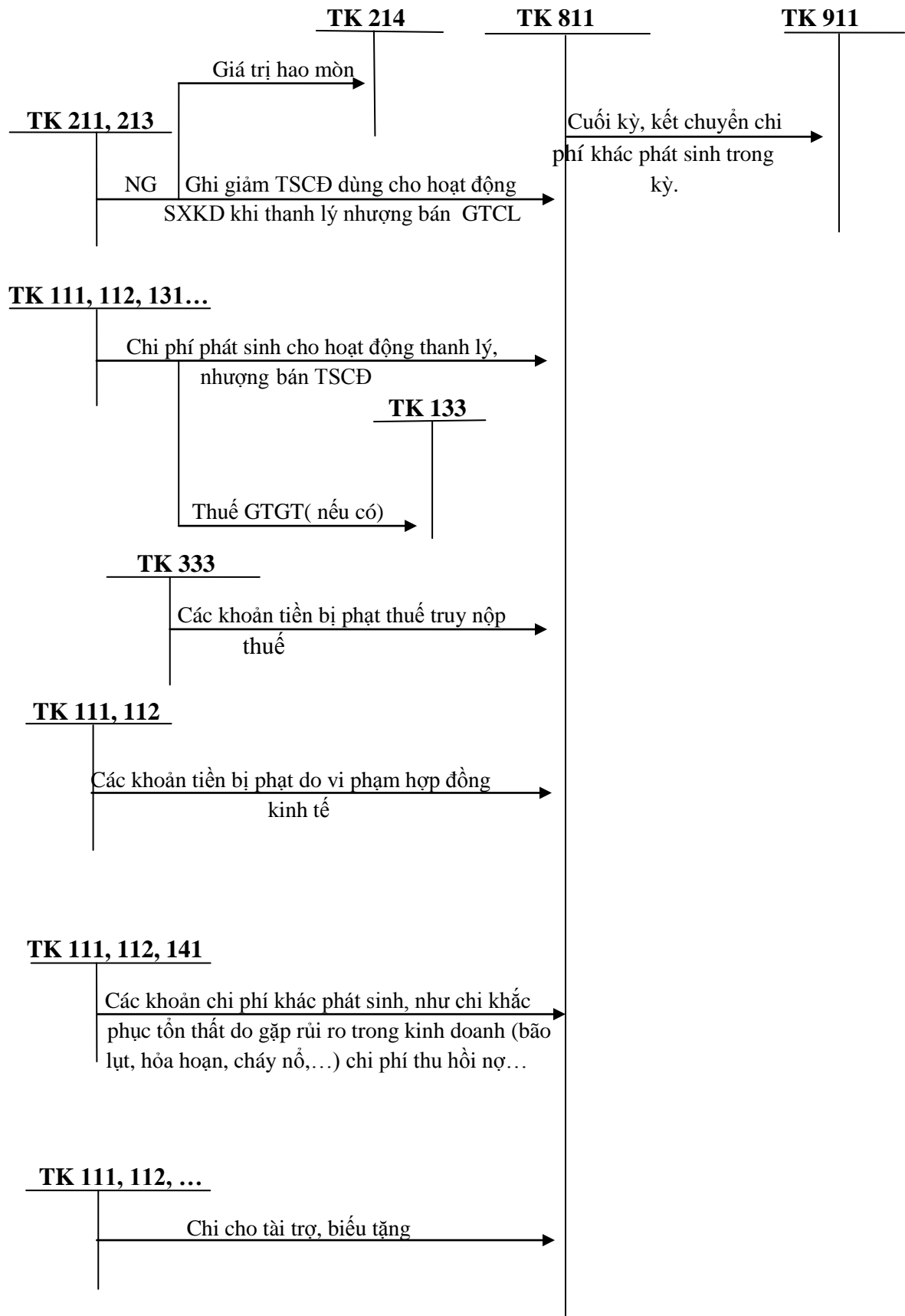
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp, gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá; TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- + Các khoản chi phí khác.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác.



1.2.5.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu chi – Mẫu số 02 _ TT; Ủy nhiệm chi;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ *Tài khoản 821 – “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:*

- + TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- + TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

✓ *Kết cấu của TK 821*

Bên Nợ:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

Bên Có:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào bên Nợ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**❖ Kết quả kinh doanh:**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chi tiêu lãi lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán; Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:**• Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

<i>Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>	-	<i>Chi phí bán hàng</i>	-	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>
---	---	--	---	-------------------------	---	-------------------------	---	-------------------------------------

Trong đó:

<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>
---	---	---	---	-------------------------------------

• Kết quả hoạt động tài chính:

<i>Kết quả hoạt động tài chính</i>	=	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	-	<i>Chi phí tài chính</i>
------------------------------------	---	--------------------------------------	---	--------------------------

• Kết quả hoạt động khác:

<i>Kết quả hoạt động khác</i>	=	<i>Thu nhập khác</i>	-	<i>Chi phí khác</i>
-------------------------------	---	----------------------	---	---------------------

• Kết quả hoạt động kinh doanh:

<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>	=	<i>Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	+	<i>Kết quả hoạt động tài chính</i>	+	<i>Kết quả hoạt động khác</i>
-------------------------------------	---	---	---	------------------------------------	---	-------------------------------

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

✓ *Kết cấu của TK 911:*

Bên Nợ:

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

Chi phí hoạt động tài chính; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

Kết chuyển lãi.

Bên Có:

Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

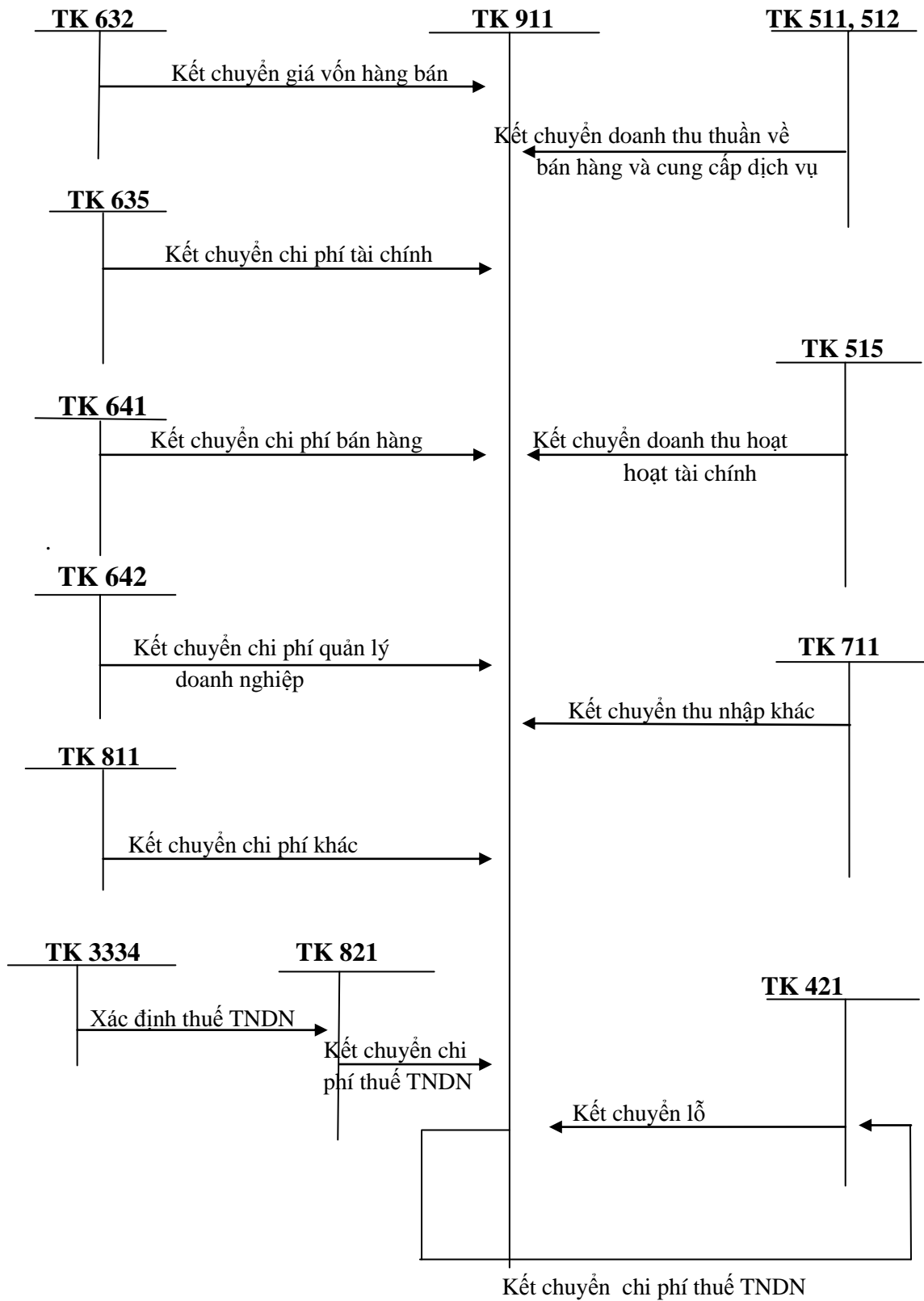
Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Sổ sách kế toán áp dụng vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Sổ sách kế toán trong doanh nghiệp chủ yếu gồm:

Sổ kế toán tổng hợp: Là sổ phản ánh số liệu kế toán đầy đủ (số dư, số phát sinh) tổng quát cho mọi đối tượng tài sản, nguồn vốn hoặc một hoạt động thu chi, kết quả, phân phối vốn,...Sổ tổng hợp có một số đặc trưng cơ bản: Mở cho tài khoản tổng hợp chỉ ghi chỉ tiêu tiền, ghi định kì, không ghi cập nhật, căn cứ ghi sổ tổng hợp có thể là chứng từ gốc hoặc là chứng từ trung gian (chứng từ ghi sổ, bảng kê chứng từ,...) hoặc sổ sách trung gian (sổ Chi tiết, sổ Nhật ký,...), số liệu của sổ tổng hợp thường được sử dụng để lập báo cáo định kỳ của kế toán. Sổ Tổng hợp thường là sổ Cái các tài khoản.

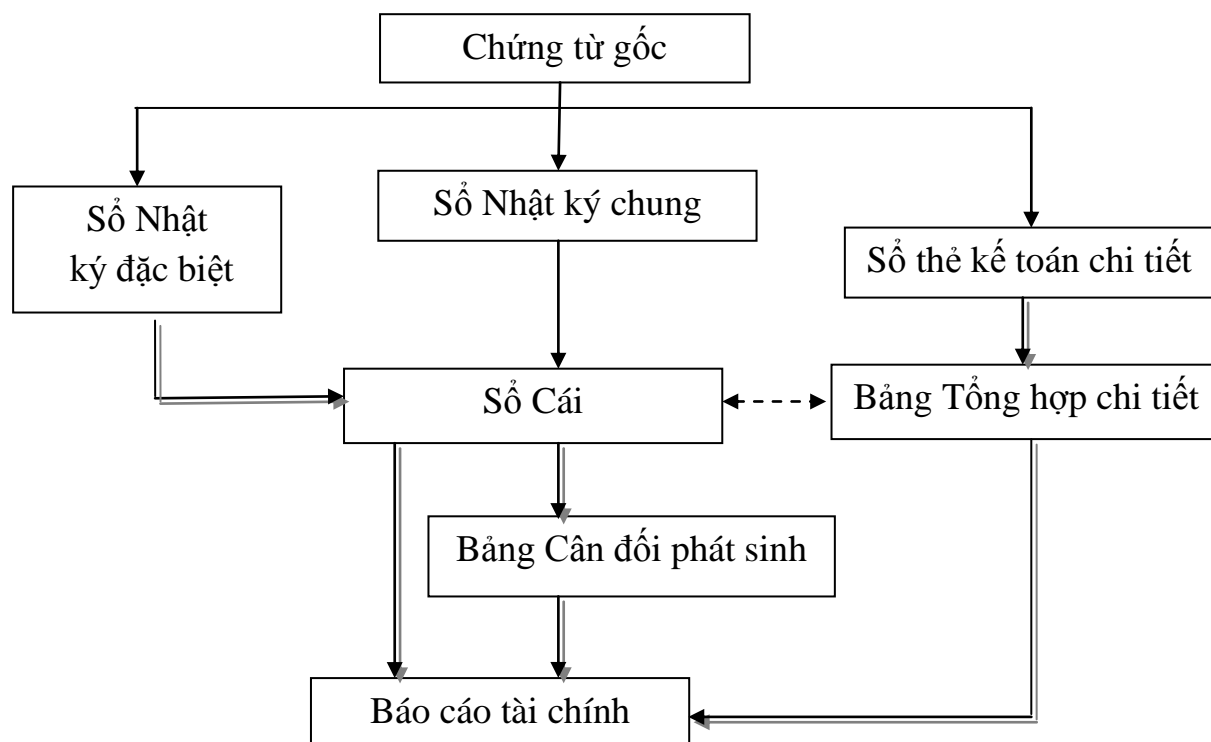
Sổ kế toán chi tiết: Là sổ phản ánh thông tin chi tiết về một đối tượng (một tài khoản hoặc một chỉ tiêu phản ánh). Sổ chi tiết mở theo tài khoản chi tiết cấp 2, 3,...Số liệu ghi sổ có thể vì 2 mục đích: Quản lý chi tiết đối tượng cần quản lý để đối chiếu hoặc làm căn cứ ghi vào sổ tổng hợp. Sổ chi tiết thường được sử dụng để mở các Nhật ký sổ Cái phụ và nó có tác động lớn cho quản trị nội bộ và cung cấp tư liệu cho phân tích hoạt động tài chính của đơn vị kế toán.

1.3.2. Hình thức kế toán áp dụng vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Việc tổ chức hệ thống sổ sách kế toán phụ thuộc vào hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp. Hiện nay có 4 hình thức kế toán:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- + Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.
- + Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái.
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Căn cứ vào quy mô và điều kiện hoạt động của doanh nghiệp cùng với các hình thức tổ chức của sổ kế toán, từng doanh nghiệp sẽ lựa chọn cho mình một hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp. Dưới đây là trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung:

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối kỳ
- ↔ : Kiểm tra, đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái các tài khoản có liên quan. Nếu đơn vị mở các sổ thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung kế toán vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Trường hợp doanh nghiệp có mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ, tùy theo khối lượng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt. Lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ Cái.

Cuối kỳ, từ sổ thẻ kế toán chi tiết kế toán lập bảng Tổng hợp chi tiết.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán lập bảng Cân đối phát sinh và sau đó tiến hành lập Báo cáo tài chính.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG.

2.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

2.1.1 Thông tin khái quát chung về công ty.

2.1.1.1. Khái quát chung về Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

- Tên công ty bằng tiếng Việt: Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh : Huy Dung construction & trading company limited.
- Mã số doanh nghiệp: 0201217588
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 60/2005/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Vốn điều lệ:
 - + Tổng số: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng chẵn).
 - + Vốn bằng tiền: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng chẵn).

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Trong thời kì đổi mới và phát triển mạnh mẽ như hiện nay việc bước vào nền kinh tế thị trường, việc chuyển đổi cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các đơn vị kinh doanh phải nhạy bén sâu sắc, linh động vượt qua khó khăn, tìm hướng đi đúng đắn để có thể tồn tại và phát triển đứng vững trong môi trường cạnh tranh. Để đáp ứng được những nhu cầu đó và với nhiệt huyết và kinh nghiệm của mình, ông TRỊNH VĂN ĐỊNH đã thành lập nên công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng. Công ty được hình thành và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ.

Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

Công ty hình thành và phát triển qua 3 giai đoạn:

- + Từ năm 2005 – 2008: Đây là giai đoạn hình thành và bước đầu

định hướng phát triển của công ty. Ban đầu công ty hoạt động với cơ sở vật chất, trang thiết bị thô sơ lạc hậu. Tuy nhiên, công ty vẫn cố gắng tìm tòi và phát huy những thế mạnh sẵn có của mình.

+ Từ năm 2009 – Đầu năm 2011: Đây là giai đoạn công ty gặp nhiều khó khăn do chưa thích nghi được môi trường hoạt động. Tuy nhiên, công ty vẫn phát huy tinh thần tự lập, tự cường, độc lập sáng tạo chuyển sang sản xuất đặt hàng hợp đồng trong và ngoài kế hoạch.

+ Từ cuối năm 2011 – 2013: Đây là giai đoạn công ty đã dần thích nghi với môi trường hoạt động, chủ động thay đổi các chủ trương cho phù hợp với cơ chế thị trường. Mặc dù chưa hết những khó khăn và hạn chế nhưng công ty cũng cố gắng duy trì hoạt động một cách hiệu quả nhất.

Qua 9 năm thành lập và phát triển, công ty vẫn đã có nhiều cố gắng trong việc tìm kiếm thị trường hoạt động. Tuy còn nhiều khó khăn song nhờ có đường lối đúng đắn đi đôi với các biện pháp thích hợp nên doanh thu, lợi nhuận đóng góp cho NSNN không ngừng tăng cao và đến nay công ty đã thực sự đứng vững trong môi trường cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường đang phát triển.

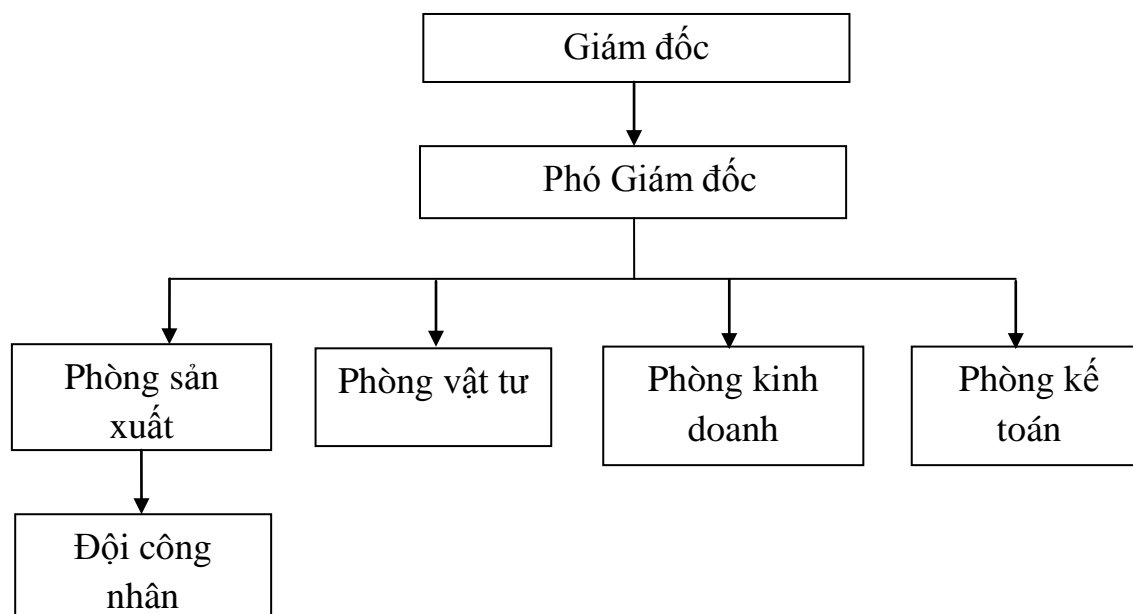
2.1.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu về các mảng như sau:

- + Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, hạ tầng đô thị, cấp thoát nước và thiết kế trang trí nội ngoại thất;
- + Kinh doanh, buôn bán vật liệu xây dựng;
- + Lắp đặt đường dây điện và trạm điện;
- + San ủi đào đắp đất công trình;
- + Tư vấn đầu tư đấu thầu; gia công và lắp đặt kết cấu kim loại.

2.1.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới. Người lãnh đạo công ty ra các quyết định cho các phòng ban, các phân đội thi công về việc thực hiện dự án, cung cấp vật tư hàng hóa. Khái quát theo sơ đồ sau:



• **Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:**

Giám đốc công ty:

Người có quyền hạn cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo toàn vốn của Nhà nước, nộp thuế cho Nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên.

Là người trực tiếp ký các hợp đồng với các cơ quan, đối tác, khách hàng về việc cung cấp, mua bán, hỗ trợ, tài trợ, tiếp nhận, . . .

Là đại diện pháp lý của công ty, đồng thời xây dựng hệ thống nhân sự đáp ứng được nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh của công ty theo từng kỳ.

Phó giám đốc công ty:

Là người giúp việc chính cho Giám đốc trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, được giám đốc ủy quyền thay chủ tài khoản ký kết các hợp đồng kinh tế, trực tiếp phụ trách các phòng đời sống, vật tư, kế toán, sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Lên kế hoạch xây dựng, triển khai, giám sát các chiến lược kinh doanh và các nguồn lực của công ty.

Phòng Kế toán :

Quản lý công tác tài chính trong toàn công ty, theo dõi việc thu vốn.

Tổ chức mạng lưới kế toán, thống kê hợp lý trong phạm vi toàn công ty để quản lý đầu ra cũng như đầu vào một cách chính xác và hợp lý.

Chịu trách nhiệm về việc lập, ký, tính chính xác của báo cáo kế toán và gửi báo cáo kế toán đúng thời gian quy định của công ty.

Kiểm tra các nhu cầu mua sắm trang thiết bị cung cấp dịch vụ cho các bộ

phận và đơn vị trực thuộc.

Tổ chức công tác hạch toán kế toán, kiểm tra kiểm soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo số liệu, dữ liệu theo quy định của công ty, đảm bảo tính chính xác đầy đủ và kịp thời. Đề xuất các phương án đầu tư, phát hàng trái phiếu, cổ phiếu.

Quản lý công nợ; Lập kế hoạch về vốn.

Tập hợp chứng từ và lập hồ sơ chứng từ cho các công trình và tất cả các công việc khác.

Phòng sản xuất và kinh doanh:

Phòng sản xuất và kinh doanh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất của công ty và theo dõi đơn đốc tổng hợp kế hoạch sản xuất.

Xây dựng kế hoạch ngắn và dài hạn cho công ty, bám sát nhu cầu thị trường, dự báo về thị trường xây dựng, tiếp thị, quảng cáo, thăm dò ý kiến khách hàng,...

Sản xuất theo kế hoạch được giao, đảm bảo đúng số lượng, chất lượng và thời gian, phân công công việc tới các tổ quản lý nhân sự và các tổ sản xuất.

Phòng vật tư thiết bị :

Trực tiếp quản lý và khai thác sử dụng các thiết bị, vật tư dựa trên cơ sở thực hiện các công trình để cân đối lập kế hoạch sử dụng máy móc thiết bị trong từng thời kỳ.

Hàng tháng lập báo cáo sử dụng thiết bị, vật tư, xây dựng định mức nhiên liệu, định mức sửa chữa nhỏ và định mức khoán lao động.

Phối kết hợp với phòng Kế toán – Tổng hợp và đội nhân công công trình để tập hợp hồ sơ chứng từ.

Đội công nhân:

Trực tiếp nhận nhiệm vụ tổ chức thi công, hạch toán và hoàn thiện công trình cũng như các thủ tục pháp lý.

Làm các thủ tục liên quan đến công trình trước khi khởi công và trong quá trình thi công công trình. Chịu trách nhiệm quản lý vật tư, sử dụng thiết bị và chi phí khác trong phạm vi định mức chi phí do Giám đốc công ty phê duyệt.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về chất lượng và tiến độ công trình.

2.1.2. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

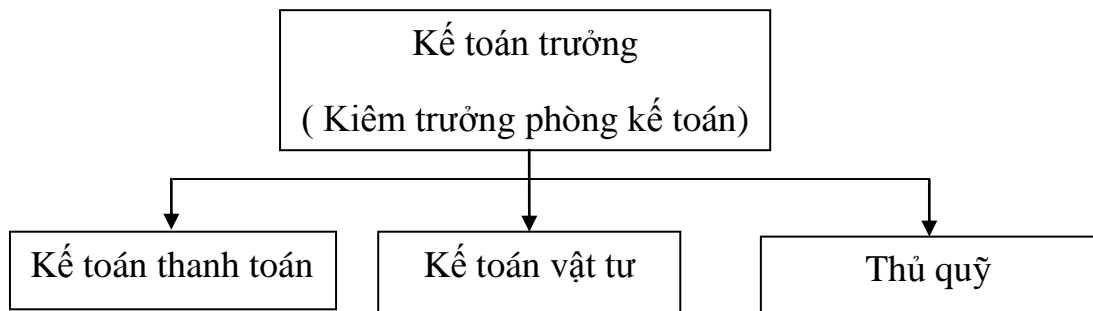
2.1.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, có một kế toán

làm nhiệm vụ thống kê tình hình, ghi chép về sự biến động của toán bộ tài sản của đơn vị của mình về mặt số lượng để phục vụ công tác kế toán và quản lý kinh tế của công ty. Đồng thời thu thập chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh gửi về phòng kế toán để tiến hành hạch toán.

Phòng kế toán công ty chỉ bao gồm một người đảm nhiệm hết các phần hành khác nhau, thực hiện hoạt động kinh tế tài chính phát sinh ở bộ phận các khối văn phòng cùng với việc tổng hợp số liệu chung toàn công ty, lập các báo cáo kế toán định kỳ, quản lý toàn bộ công tác kế toán của công ty.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



❖ Chức năng kế toán:

Kế toán trưởng:

Là người có quyền hạn cao nhất trong bộ máy kế toán. Chỉ đạo các bộ phận kế toán về nghiệp vụ và ghi chép các chứng từ ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán.

Phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh và hoạt động tài chính của công ty.

Tổng hợp xác định chi phí sản xuất kinh doanh toàn công ty và lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước.

Thu thập, tập hợp, xử lý, kiểm tra, và phản ánh những khoản doanh thu, hoạt động kinh doanh của công ty. Có nhiệm vụ khóa sổ và tính toán đầy đủ doanh thu, chi phí để từ đó xác định kết quả kinh doanh.

Kết chuyển doanh thu, chi phí, lãi lỗ.

Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê,...

Kế toán vật tư:

Có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất, nhập hàng hóa, vật tư từ đó xác định được chi phí cũng như doanh thu tiêu thụ sản phẩm,...

Kế toán thanh toán:

Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà

nước.

Thủ quỹ:

Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ hợp lệ để xác định các chi phí, doanh thu mang lại của sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải trả người cung cấp.

2.1.2.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá gốc.
- Tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Bình quân liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng.
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam.

Niên độ kế toán : Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên tính từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

2.1.2.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán.

❖ Hệ thống tài khoản tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng đã đăng ký sử dụng hầu hết các tài khoản theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC và các khoản sửa đổi bổ sung theo các thông tư hướng dẫn. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu công tác kế toán công ty mở thêm một số tài khoản cấp 2, 3, . . .

❖ Chứng từ kế toán tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng:

Hiện nay, công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán do Bộ Tài chính kế toán ban hành, cụ thể như:

+ Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT) ; Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT); Giấy đề nghị tạm ứng; Giấy thanh toán tiền tạm ứng;...

+ Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT); Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT); Thẻ kho; Bảng kê mua hàng; Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, hàng hóa; . . .

+ Chứng từ về tài sản cố định: Biên bản giao nhận TSCĐ; Biên bản

thanh lý TSCĐ; Bảng tính và phân bổ khấu hao; . . .

+ Chứng từ về lao động tiền lương: Bảng chấm công; Bảng thanh toán tiền lương; Hợp đồng giao khoán sản phẩm; . . .

+ Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng thông thường; . . .

2.1.2.4. Tổ chức hệ thống sổ sách, hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

❖ Hệ thống sổ sách tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

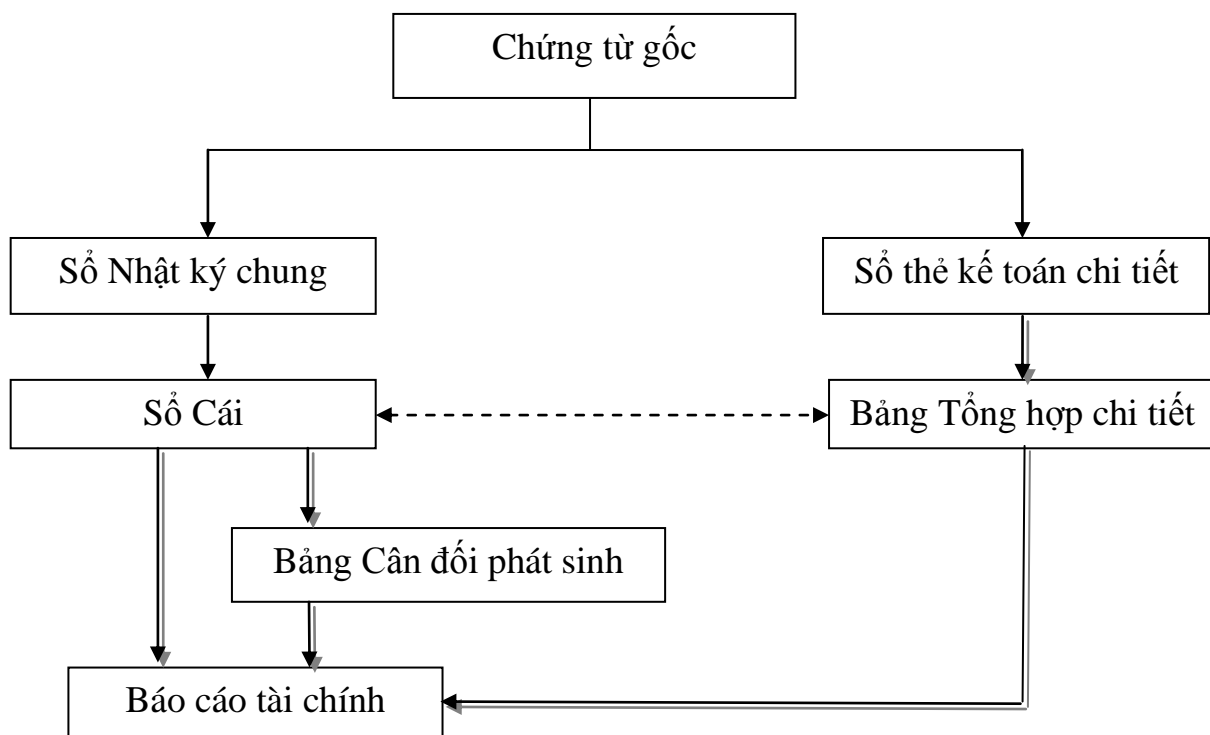
Hệ thống sổ sách mà công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng đang sử dụng bao gồm:

- + Sổ Nhật ký chung;
- + Sổ Cái tài khoản;
- + Bảng Tổng hợp chi tiết; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- + Bảng Cân đối phát sinh.

❖ Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Dưới đây là quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty.

• **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:**



Ghi chú:

—————→ : Ghi hàng ngày.

=====> : Ghi cuối kỳ.

←-----→ : Kiểm tra, đối chiếu.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái. Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi vào sổ, thẻ chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng Cân đối số phát sinh. Từ sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán lập bảng Tổng hợp chi tiết.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

2.1.2.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Báo cáo tài chính phản ánh kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

Việc lập Báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi đã khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký đóng dấu của đơn vị. Hệ thống Báo cáo tài chính của công ty gồm có:

- + Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01 – DN
- + Bảng báo cáo kết quả kinh doanh – Mẫu số B02 – DN
- + Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03 – DN
- + Bảng thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số D09 – DN

Ngoài ra, kế toán còn lập báo cáo quản trị khác như: Báo cáo tình hình công nợ phải thu, phải trả; Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước,...

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa:

❖ *Hoạt động thương mại:* Hiện nay công ty đang kinh doanh các mặt hàng như:

- + Bán buôn xi măng các loại, tôn mạ màu, kính xây dựng
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại, đồ ngũ kim
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
- + Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát sơn, vecni

❖ *Hoạt động xây dựng cơ bản:*

+ Các công trình công ty thi công như: Công trình nhà máy nhiệt điện Mông Dương II, Quảng Ninh, Nhà máy nhiệt điện Mông Dương I, Nhà máy điện tử Sam Sung thành phố Thái Nguyên, Dự án đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, . . .

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại công ty:

Do đặc điểm kinh doanh của công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng là xây lắp và thương mại nên doanh nghiệp áp dụng 2 hình thức bán hàng chính là bán buôn và bán lẻ. Với hình thức này việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các tổ chức bán buôn với doanh nghiệp, chính vì thế đối tượng của bán buôn rất đa dạng có thể là doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại trong nước.

Phương thức bán hàng này chủ yếu thanh toán bằng chuyển khoản do có giá trị lớn. Khi bên mua nhận được hàng và chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

Đối với hình thức bán hàng ở công ty chủ yếu là bán buôn qua kho.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hợp đồng kinh tế; Đơn đặt hàng;
- + Hóa đơn GTGT; Biên bản giao nhận;
- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu – Mẫu số 01_ TT;
- + Giấy báo Có và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

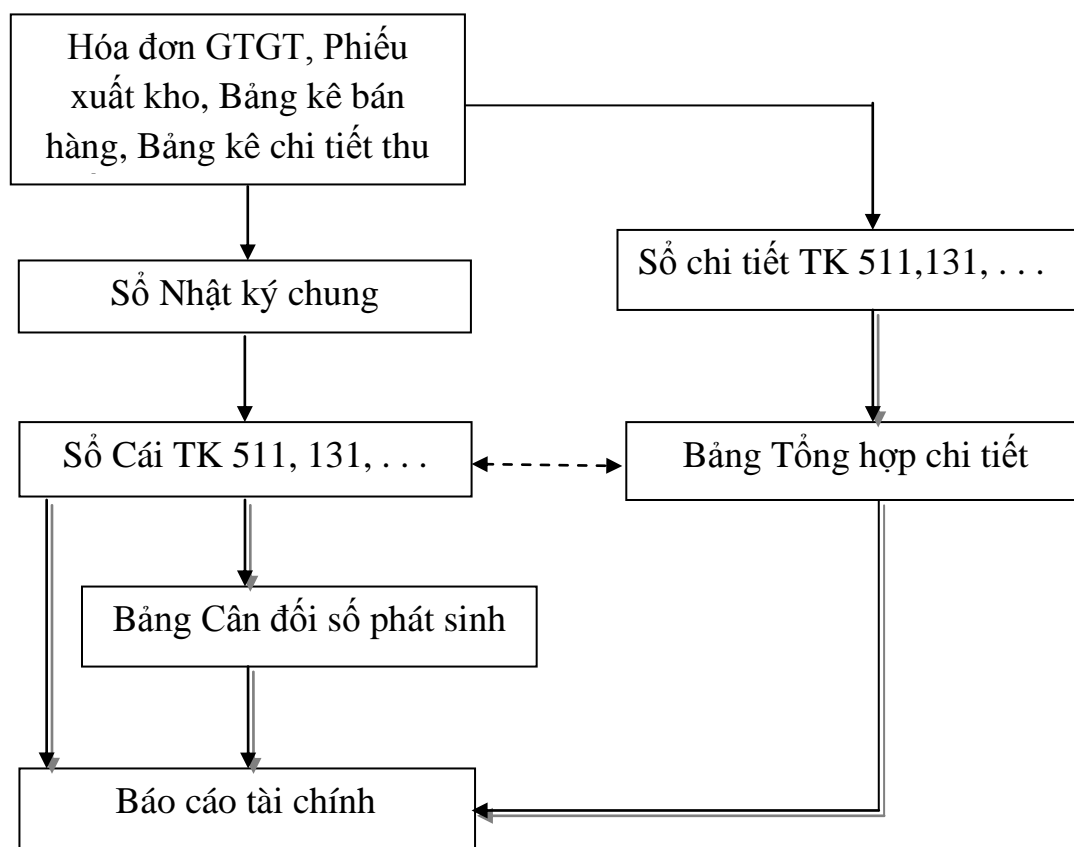
TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, TK 511 được mở chi tiết 2 tài khoản cấp 2 để theo dõi :

+ TK 5111 – “Doanh thu hoạt động thương mại”

+ TK 5112 – “Doanh thu hoạt động xây lắp”

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan như TK 111, 131, 333,...

• **Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày.

=====> : Ghi cuối kỳ.

<-----> : Kiểm tra, đối chiếu.

❖ **Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái TK 511, 131,... Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi vào sổ Chi tiết TK 511, 131,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái TK 511, 131,... để lập bảng Cân đối số phát sinh. Từ sổ thẻ kế toán chi tiết kế toán lập bảng Tổng hợp chi tiết.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên sổ Cái TK 511, 131,... và bảng Tổng hợp chi tiết TK 511, 131,... (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 16/12/2013 bán cho công ty CPTM Huy Hoàng 12 tấn xi măng Bỉm Sơn giá 1.240.000 đồng/ tấn, VAT 10% đã thu bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (**Biểu số 2.1**), Phiếu thu (**Biểu số 2.2**) kế toán ghi vào sổ sách kế toán bút toán ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 111: 16.368.000

Có TK 511: 14.880.000

Có TK 3331: 1.488.000

Căn cứ vào bút toán trên kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.3**). Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái TK 511 (**Biểu số 2.4**), TK 111, TK 333,... Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi vào sổ Chi tiết TK 511 (**Biểu số 2.5**), TK 111,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng Cân đối số phát sinh. Từ sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán lập bảng Tổng hợp chi tiết.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên Sổ Cái TK 511, TK 111,... và bảng Tổng hợp chi tiết TK 511 (**Biểu số 2.6**),... (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1:**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 010GTTKT- 3LL

Liên 3: Nội bộ

AA/13P

0025036

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng
Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G – Trần Nguyên Hãn – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng
Số điện thoại:
Số tài khoản:
MST:0201217588

Họ và tên người mua hàng: Lê Quang Đại.
Đơn vị: Công ty CP TM Huy Hoàng
Địa chỉ: Số 23 – Nguyễn Đức Cảnh – Lê Chân – Hải Phòng
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Tiền mặt **MST:**
 0200034580

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Xi măng Bim Sơn	Tấn	12	1.240.000	14.880.000

Cộng tiền hàng : 14.880.000

Thuế suất GT GT :10% **Tiền thuế GTGT:** 1.488.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 16.368.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng.

Người mua hàng **Người bán hàng** **Thủ trưởng đơn vị**
 (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng		Mẫu số: 01- TT		
Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP		Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU THU				
<i>Ngày 16 tháng 12 năm 2013</i>				
Số: PT16/12				
Nợ TK 111: 16.368.000				
Có TK 511: 14.880.000				
Có TK 3331: 1.488.000				
Họ và tên người nộp tiền: Lê Quang Đại.				
Địa chỉ: Phòng kinh doanh.				
Lý do nộp: Mua xi măng Bim Sơn.				
Số tiền: 16.368.000 đồng (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng.				
Chứng từ kèm theo: 01 HĐGTGT số 0025036.				
<i>Ngày 16 tháng 12 năm 2013</i>				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)

Biểu số 2.3:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
PT 16/12	16/12	Thu tiền bán xi măng Bim Sơn của công ty CPTM Huy Hoàng bằng tiền mặt.	111	511 3331	16.368.000	14.880.000 1.488.000
...
PT 18/12	19/12	Thu tiền bán cát cho khách hàng bằng tiền mặt.	111	511 3331	1.100.000	1.000.000 100.000
...
PBC 5502	24/12	Thu tiền bán nhựa PVC ϕ 21 cho công ty TNHH Thịnh Hưng.	112	511 3331	32.454.400	29.504.000 2.950.400
...
PT 25/12	19/12	Thu tiền bán xi măng Bim Sơn cho anh Hoàng Tuấn Anh bằng tiền mặt.	111	511 3331	4.070.000	3.700.000 370.000
...
HĐ 25058	26/12	Bán thép, que hàn cho công ty TNHH Song Long, chưa thu tiền.	131	511 3331	38.500.000	35.000.000 3.500.000
...
PKT 98/12	31/12	Kết chuyển doanh thu.	511 515	911	15.552.445.560 34.578.882	15.587.024.442
Cộng phát sinh					84.888.115.185	84.888.115.185

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Sổ Cái TK 511

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
16/12	PT 16/12	16/12	Thu tiền bán xi măng Bim Sơn cho công ty CPTM Huy Hoàng	111		14.880.000
...
19/12	PT 22/12	19/12	Thu tiền bán tôn mạ màu cho khách hàng.	111		5.000.000
...
19/12	PT 25/12	19/12	Thu tiền bán xi măng Bim Sơn cho anh Hoàng Tuấn Anh.	111		3.700.000
...
24/12	PBC 5502	24/12	Thu tiền bán nhựa PVC ϕ 21 cho công ty TNHH Thịnh Hưng.	112		29.504.000
25/12	HD 0025053	25/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho công ty xây dựng Hòa Bình, chưa thu tiền.	131		14.560.000
26/12	HD 0025058	26/12	Bán thép, que hàn cho công ty TNHH Song Long, chưa thu tiền.	131		35.000.000
...
31/12	PKT 98/12	31/12	Xác định kết quả kinh doanh.	911	15.552.445.560	
			Cộng phát sinh		15.552.445.560	15.552.445.560

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết TK 511

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản 5111: Doanh thu hoạt động thương mại

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
16/12	PT 16/12	16/12	Thu tiền bán xi măng Bỉm Sơn của công ty CPTM Huy Hoàng.	111		14.880.000
16/12	HĐ 0025038	16/12	Thu tiền bán sơn Sơn Hà của khách hàng.	131		50.000.000
...
19/12	PT 25/12	19/12	Thu tiền bán xi măng Bỉm Sơn cho anh Hoàng Tuấn Anh.	111		3.700.000
26/12	PBC 5540	26/12	Thu tiền bán cát cho công ty TNHH Xuân Mai.	112		156.000.000
26/12	HĐ 0025058	26/12	Bán thép, que hàn cho công ty TNHH Song Long, chưa thu tiền.	131		35.000.000
...
31/12	PKT 98	31/12	Xác định kết quả kinh doanh.	911	10.034.623.842	
			Cộng phát sinh		10.034.623.842	10.034.623.842

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6: Bảng Tổng hợp chi tiết TK 511

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn – HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

STT	SHTK	Diễn giải	Số tiền phát sinh		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	5111	Doanh thu hoạt động thương mại.	10.034.623.842	10.034.623.842	
2	5112	Doanh thu hoạt động xây lắp.	5.517.821.718	5.552.400.600	
		Tổng số phát sinh	15.552.445.560	15.552.445.560	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên và đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.**❖ Phương pháp tính giá hàng xuất kho:**

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng được tính theo phương pháp Bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập đối với mỗi loại hàng hóa. Đơn giá được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 16/12/2013 bán cho công ty CP TM Huy Hoàng 12 tấn xi măng Bim Sơn giá 1.240.000 đồng/ tấn, VAT 10% đã thu bằng tiền mặt.

Ngày 16/12/2013 xuất bán xi măng Bim Sơn cho công ty CPTM Huy Hoàng. Số lượng xi măng tồn kho tính đến ngày 16/12/2013 là 200 tấn, trị giá xi măng Bim Sơn tồn kho là 240.000.000 đồng.

Theo công thức tính trên ta có:

$$\text{Đơn giá xi măng Bim Sơn} = \frac{24.000.000}{200} = 1.200.000 \text{ (đồng/ tấn)}$$

$$\text{Đơn giá xi măng Bim Sơn} = 1.200.000 \times 12 = 14.400.000 \text{ (đồng)}$$

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 632 – “Giá vốn hàng bán”, TK 632 được mở 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6321: Giá vốn hoạt động thương mại.

+ TK 6322: Giá vốn hoạt động xây lắp.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác như TK 152, 331,...

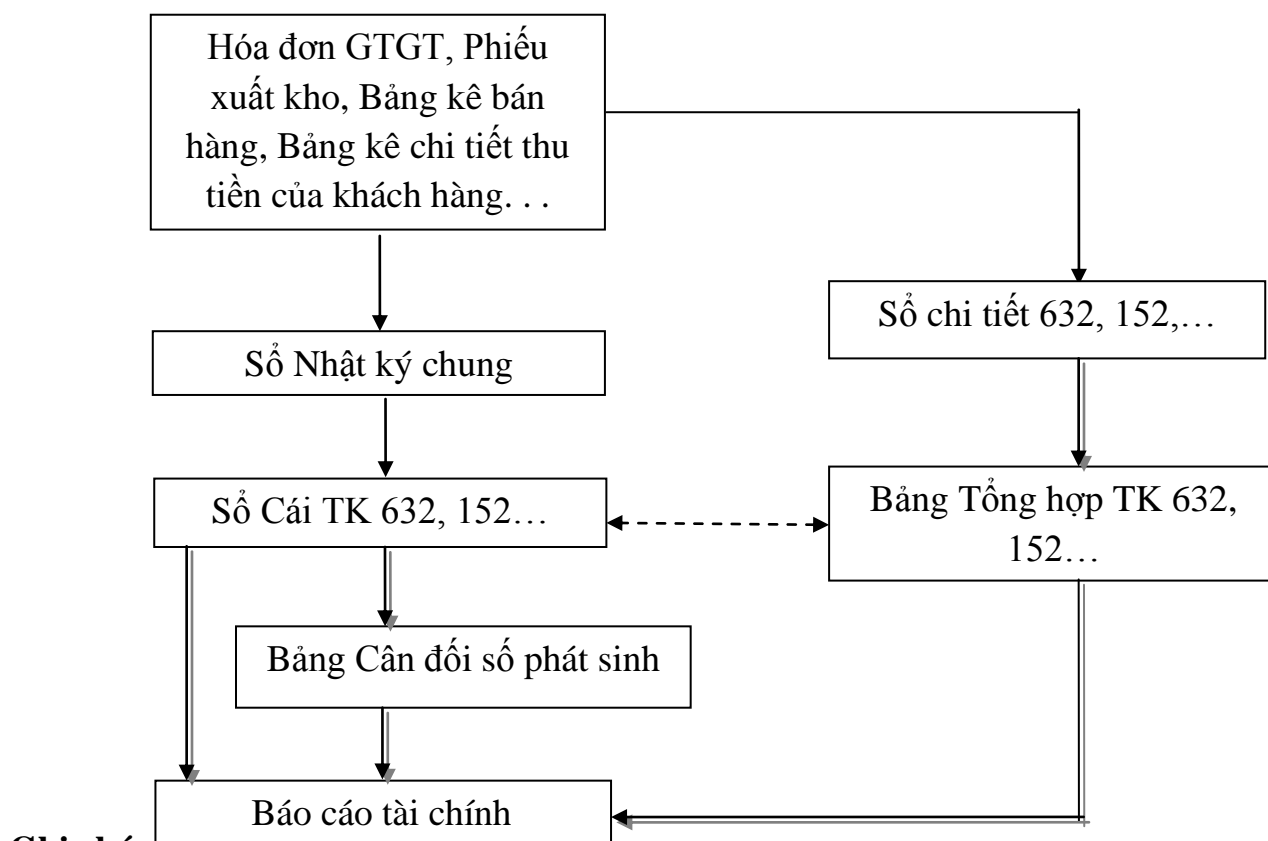
❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho – Mẫu số 02 – VT;

+ Thẻ kho – Mẫu số S12 – DN;

+ Các chứng từ liên quan khác.

- **Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày.

=====> : Ghi cuối kỳ.

←-----> : Kiểm tra, đối chiếu.

- ❖ **Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái TK 632, 152,... Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi vào sổ Chi tiết TK 632, 152,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái TK 632, 152,... để lập bảng Cân đối số phát sinh. Từ sổ thẻ kế toán chi tiết kế toán lập bảng Tổng hợp chi tiết.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên sổ Cái TK 632, 152,... và bảng Tổng hợp chi tiết TK 632, 152,... (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 16/12/2013 bán cho công ty CPTM Huy Hoàng 12 tấn xi măng Bim Sơn giá 1.240.000 đồng/ tấn, VAT 10% đã thu bằng tiền mặt. Trị giá vốn tính được ghi trên phiếu xuất kho số **82/12** là 14.400.000 đồng.

Căn cứ vào phiếu xuất kho (**Biểu số 2.7**), kế toán ghi vào sổ sách kế toán bút toán ghi nhận giá vốn:

Nợ TK 632 : 14.400.000

Có TK 152 : 14.400.000

Căn cứ vào bút toán trên kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.8**). Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái TK 632 (**Biểu số 2.9**), 152,... Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi vào sổ Chi tiết TK 632 (**Biểu số 2.10**), 152,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái TK 632, 152,... để lập bảng Cân đối số phát sinh. Từ sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán lập bảng Tổng hợp chi tiết.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên sổ Cái TK 632, 152,... và bảng Tổng hợp chi tiết TK 632 (**Biểu số 2.11**), 152,... (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng
Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyễn Hãn-HP

Mẫu số: 02- VT

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Số phiếu : PX 82/12

Họ và tên người nhận hàng: Công ty CPTM Huy Hoàng.**Địa chỉ:** Số 23 – Nguyễn Đức Cảnh – Lê Chân – Hải Phòng.**Lý do xuất:** Xi măng Bim Sơn.**Xuất tại:** Kho vật tư.

STT	Mã hàng hóa	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4 = 2 x 3
1	XB	Xi măng Bim Sơn	Tấn	12	12	1.200.000	14.400.000
		Tổng cộng					14.400.000

Cộng thành tiền: Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng.

Số chứng từ kèm theo :

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
PX 65/12	10/12	Bán xi măng Bim Sơn của công ty Song Vũ bằng tiền mặt.	632	152	7.807.800	7.807.800
...
PX 81/12	16/12	Bán cát cho khách hàng thu bằng tiền mặt.	632	152	960.000	960.000
PX 82/12	16/12	Xuất bán xi măng Bim Sơn cho công ty CPTM Huy Hoàng.	632	152	14.400.000	14.400.000
...
PX 104/12	20/12	Xuất bán xi măng Bim Sơn cho khách hàng.	632	152	5.000.000	5.000.000
...
PX 131/12	24/12	Xuất bán nhựa PVC ϕ 21 cho công ty TNHH Thịnh Hưng.	632	152	28.050.000	28.050.000
....
PX 150/12	26/12	Xuất bán thép, que hàn cho công ty TNHH Song Long, chưa thu tiền.	632	152	33.500.000	33.500.000
...
PKT 98/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán.	911	632	12.764.054.270	12.764.054.270
		Cộng phát sinh			84.888.115.185	84.888.115.185

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ Cái TK 632

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn – HP

SỔ CÁI

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị

tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
10/12	PX 65/12	10/12	Bán xi măng Bim Sơn cho công ty Song Vũ thu bằng tiền mặt.	152	7.807.800	
...
16/12	PX 81/12	16/12	Xuất bán cát cho khách hàng thu bằng tiền mặt.	152	960.000	
16/12	PX 82/12	16/12	Xuất bán xi măng Bim Sơn cho công ty CPTM Huy Hoàng.	152	14.400.000	
...
20/12	PX 104/12	20/12	Xuất bán xi măng cho khách hàng.	152	5.000.000	
...
24/12	PX 131/12	24/12	Xuất bán nhựa PVC ϕ 21 cho công ty TNHH Thịnh Hưng.	152	28.050.000	
...
26/12	PX 150/12	26/12	Xuất bán thép, que hàn cho công ty TNHH Song Long, chưa thu tiền.	152	33.500.000	
...
31/12	PKT 98	31/12	Xác định kết quả kinh doanh.	911		12.764.054.270
			Cộng phát sinh		12.764.054.270	12.764.054.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Sổ Chi tiết TK 632

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản 6321: Giá vốn hàng bán hoạt động thương mại

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
10/12	PX 65/12	10/12	Xuất bán xi măng Bỉm Sơn cho công ty Song Vũ thu bằng tiền mặt.	152	7.807.800	
...
16/12	PX 81/12	16/12	Xuất bán cát cho khách hàng đã thu bằng tiền mặt.	152	960.000	
16/12	PX 82/12	16/12	Xuất bán xi măng Bỉm Sơn cho công ty CPTM Huy Hoàng.	152	14.400.000	
...
20/12	PX 104/12	20/12	Xuất bán xi măng Bỉm Sơn cho khách hàng.	152	5.000.000	
...
24/12	PX 131/12	24/12	Xuất bán nhựa PVC \varnothing 21 cho công ty TNHH Thịnh Hưng.	152	28.050.000	
...
26/12	PX 150/12	26/12	Xuất bán thép, que hàn cho công ty TNHH Song Long, chưa thu tiền.	152	33.500.000	
...
31/12	PKT 98/12	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911		8.564.589.231
			Cộng phát sinh		8.564.589.231	8.564.589.231

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp chi tiết TK 632

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

STT	SHTK	Diễn giải	Số phát sinh		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	6321	Giá vốn hoạt động thương mại.	8.564.589.231	8.564.589.231	
2	6322	Giá vốn hoạt động xây lắp.	4.199.465.039	4.199.465.039	
		Tổng số phát sinh	12.764.054.270	12.764.054.270	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.1. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty là những chi phí liên quan đến từng hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên quản lý, các khoản BHXH, BHYT, BHTN; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác;...

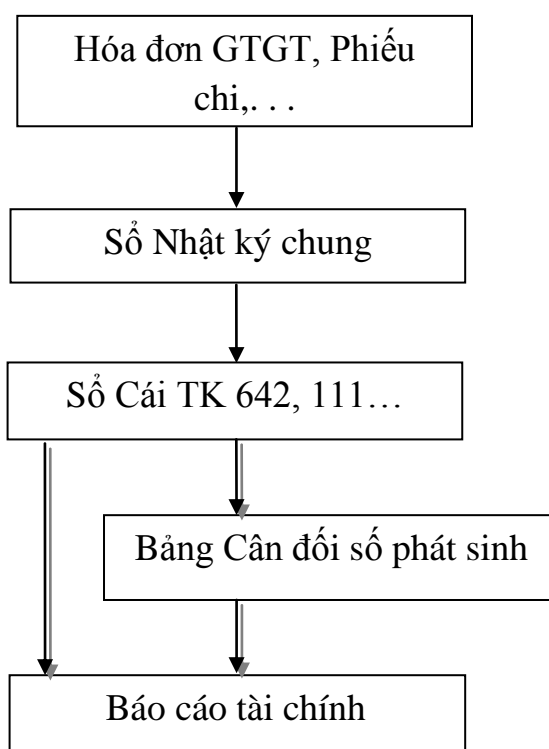
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Các tài khoản liên quan khác: TK 111, TK 112, 334,...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi – Mẫu số 02 _ TT;
- + Bảng phân bổ lương, các khoản trích theo lương;
- + Bảng phân bổ khấu hao và các chứng từ khác có liên quan.

• **Quy trình luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày.
- =====> : Ghi cuối kỳ.

❖ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái TK 642, 111,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái TK 642, 111,... để lập bảng Cân đối số phát sinh và tiến hành lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 08/08/2013 thanh toán tiền sử dụng dịch vụ viễn thông của VNPT tháng 07/2013 trị giá thanh toán là 1.271.636 (đã bao gồm cả VAT 10%), đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông của VNPT (**Biểu số 2.12**), Phiếu chi (**Biểu số 2.13**) và các chứng từ có liên quan kế toán hạch toán:

Nợ TK 642: 1.156.033

Nợ TK 133: 115.603

Có TK 111: 1.271.636

Căn cứ vào bút toán trên kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.14**). Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ Cái TK 642 (**Biểu số 2.15**), 111,...

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ Cái TK 642, 111,... để lập bảng Cân đối số phát sinh và tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12:

Mẫu số:
01GTKT2/001

Ký hiệu:
AA/13P

Số:

0378489

Mã số thuế:

Viễn thông (Telecommunication) : Hải Phòng – TT dịch vụ khách hàng.

Địa chỉ (Address): Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name) : Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Địa chỉ (Address): Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn – HP

Số điện thoại: Fax.....Mã số (code): 0200719112

Hình thức thanh toán (Kind of payment): TM/CK

MST: 0201217588

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Kỳ cước tháng 07/2013				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				1.156.033
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế.				0
	c.Chiết khấu				0
	d.Khuyến mãi				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
	(a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ (Total)				1.156.033
(1):	Thuế suất GTGT(VAT rate):10% x (1) = Tiền thuế GTGT(VAT amount) (2)				115.603
	(1+ 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):				1.271.636

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng.

Người nộp tiền ký

(Ký, họ tên)

Ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nhân viên giao dịch ký

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng		Mẫu số: 02- TT	
Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP		Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC	
		Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC	
PHIẾU CHI			
<i>Ngày 08 tháng 08 năm 2013</i>			
			Số: PC131/08
		Nợ TK 642: 1.156.033	
		Nợ TK 133: 115.603	
		Có TK 111: 1.271.636	
Họ và tên người nhận tiền: Nhân viên Nguyễn Toàn Duy			
Địa chỉ: Văn phòng công ty			
Lý do chi: Thanh toán tiền cước viễn thông VNPT			
Số tiền: 1.271.636 đồng.			
Viết bằng chữ: Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng			
Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐGTGT dịch vụ VNPT			
<i>Ngày 08 tháng 08 năm 2013</i>			
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
<i>đóng dấu)</i>			Người nhận tiền
			<i>(Ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....			
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....			
+ Số tiền quy đổi:.....			
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu):.....			

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/ 01/ 2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
PC 122/07	08/07	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 06/2013	642 133	111	1.256.033 125.603	1.371.636
...
PC 131/08	08/08	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 07/2013	642 133	111	1.156.033 115.603	1.271.636
...
BPBKH 11	31/11	Trích khấu hao tháng 11	642	214	25.126.562	25.126.562
...
PC 124/12	12/12	Chi tiếp khách	642 133	111	5.000.000 500.000	5.500.000
...
PC 145/12	15/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	2.000.000 200.000	2.200.000
...
BPBKH 12	31/12	Trích khấu hao tháng 12	642	214	25.126.562	25.126.562
PKT 98/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.599.440.201	2.599.440.201
		Cộng phát sinh			84.888.115.185	84.888.115.185

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích sổ Cái TK 642

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
08/07	PC 122/07	08/07	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 06/2013	111	1.256.033	
...
08/08	PC 131/08	08/08	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 07/2013	111	1.156.033	
...
31/12	BPBKH 11	31/12	Trích khấu hao tháng 11	214	25.126.562	
...
12/12	PC 124/12	12/12	Chi tiếp khách	111	5.000.000	
...
15/12	PC 145/12	15/12	Chi mua văn phòng phẩm.	111	2.000.000	
...
31/12	BPBKH 12	31/12	Trích khấu hao tháng 12	214	25.126.562	
...
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	911		2.599.440.201
			Cộng phát sinh		2.599.440.201	2.599.440.201

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng chỉ bao gồm lãi tiền gửi được ghi trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

❖ Tài khoản sử dụng:

- + TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- + Các tài khoản khác: TK 112, TK 111,...

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Giấy Báo lãi; Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT) và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng là các khoản trả tiền lãi vay trong quá trình hoạt động, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái.

❖ Tài khoản sử dụng:

- + TK 635 – Chi phí tài chính.
- + Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112,...

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu chi (Mẫu số 01 – TT); Giấy báo Nợ;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

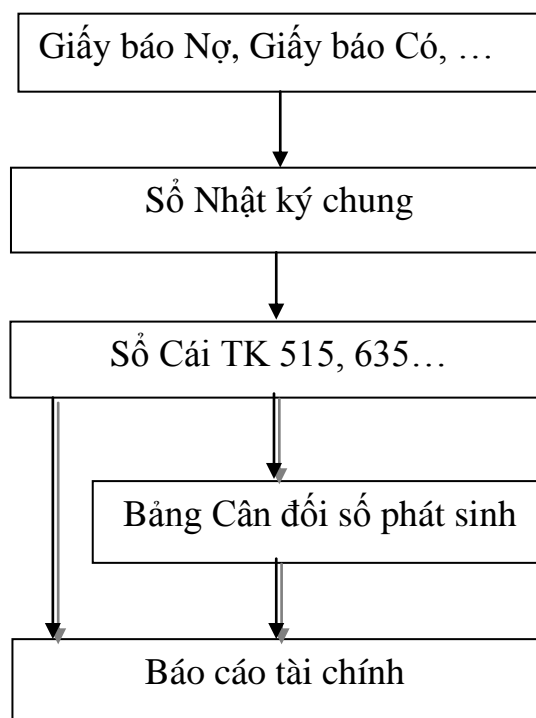
❖ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, nhận được Giấy báo Có, Giấy báo Nợ,...kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái các tài khoản có liên quan như: TK 515, TK 635,...

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu trên sổ Cái để lập bảng Cân đối kế toán.

Sau đó, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày.

=====> : Ghi cuối kỳ.

❖ **Ví dụ minh họa:**

1. Ngày 25/06/2013 công ty nhận được giấy báo Có tiền lãi từ tiền gửi Ngân hàng Á Châu tháng 06/12 số tiền là 125.896 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Có (**Biểu số 2.16**) kế toán hạch toán:

Nợ TK 112: 125.896

Có TK 515: 125.896

Căn cứ vào bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.18**). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái các tài khoản có liên quan như: TK 515 (**Biểu số 2.19**), TK 635,...

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu trên sổ Cái để lập bảng Cân đối kế toán. Sau đó, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

2. Ngày 31/12/2013 công ty nhận được Phiếu báo Nợ tiền lãi vay Ngân hàng Á Châu tháng 12/2013 số tiền là 8.412.980 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (**Biểu số 2.17**) kế toán hạch toán:

Nợ TK 635: 8.412.980

Có TK 112: 8.412.980

Căn cứ vào Giấy báo Nợ kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.18**). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái TK 635 (**Biểu số 2.20**) và các tài khoản khác có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu trên sổ Cái để lập bảng Cân đối kế toán. Sau đó, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16:

NGÂN HÀNG Á CHÂU		Mã GDV: CKDH
		Mã KH: 85288
		Số: 6337
PHIẾU BÁO CỐ		
Ngày 25/06/2013		
Mã GD: FT1102900100561		Nguyên tệ: VNĐ
Tài khoản / khách hàng:		
Tài khoản có: 00300000579068	Số tiền: 125.896	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG		
Tài khoản nợ: 00136000010051	Số tiền:	
Tài khoản thu phí:	Phí:	
	VAT:	
Bằng chữ: Một chẵn hai mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng chẵn.		
Diễn giải: Lãi tiền gửi.		
Giao dịch viên	Kiểm soát	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17:

NGÂN HÀNG Á CHÂU		Mã GDV: CKDH
		Mã KH: 85288
		Số: 6387
PHIẾU BÁO NỢ		
Ngày 31/12/2013		
Mã GD: FT1102900100561		Nguyên tệ: VNĐ
Tài khoản / khách hàng:	Số tiền:	
Tài khoản có: 00300000579068	Số tiền: 8.412.980	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG		
Tài khoản nợ: 00136000010051	Số tiền:	
Tài khoản thu phí:	Phí:	
	VAT:	
Bằng chữ: Tám triệu bốn trăm mười hai nghìn chín trăm tám mươi đồng chẵn .		
Diễn giải: Thu nợ lãi.		
Giao dịch viên	Kiểm soát	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
GBN 6337/06	25/06	Công ty nhận được giấy báo Có tiền lãi từ tiền gửi Ngân hàng Á Châu tháng 06/2013.	112	515	125.896	125.896
GBN 104/07	04/07	Trả phí lãi vay cho Ngân hàng Vietinbank tháng 07/2013 bằng chuyển khoản	635	112	8.355.288	8.355.288
GBC 4129/08	25/07	Lãi tiền gửi tháng 07/2013	112	515	375.233	375.233
...
GBC 3131/08	25/08	Lãi tiền gửi tháng 08/2013	112	515	1.175.533	1.175.533
GBC 1135/09	25/09	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 09/2013	112	515	875.234	875.234
GBN 122/09	04/09	Trả phí lãi vay cho Ngân hàng Agribank tháng 09/2013 bằng chuyển khoản.	635	112	11.145.100	11.145.100
GBN 6387/12	31/12	Công ty nhận được Phiếu báo Nợ tiền lãi vay Ngân hàng Á Châu tháng 12/2013.	635	112	8.412.980	8.412.980
PKT 97	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	515	911	34.578.882	34.578.882
PKT 98	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.	911	635	152.559.898	152.559.898
Cộng phát sinh					84.888.115.185	84.888.115.185

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.19 : Trích sổ Cái TK 515

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CÁI

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
01/02	GBC 115/02	01/02	Lãi tiền gửi Ngân hàng Á Châu tháng 01/2013	112		256.698
...
01/06	GBC 134/06	01/06	Lãi tiền gửi Ngân hàng Á Châu tháng 05/2013	112		296.118
25/06	GBC 6337/06	25/06	Công ty nhận được giấy báo Có tiền lãi từ tiền gửi Ngân hàng Á Châu tháng 06/2013.	112		125.896
...
25/07	GBC 4129/08	25/07	Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietinbank tháng 07/2013	112		375.233
...
25/08	GBC 3131/08	25/08	Lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank tháng 08/2013	112		1.175.233
...
24/09	GBC 2135/10	24/09	Lãi tiền gửi ngân hàng Argribank tháng 09/2013	112		956.955
...
31/12	PKT 97/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	911	34.578.882	
			Cộng phát sinh		34.578.882	34.578.882

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Trích sổ Cái TK 635

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
02/02	GBN 210/02	02/12	Trả phí lãi vay cho Ngân hàng Agribank tháng 02 /2013 bằng chuyển khoản.	112	7.145.100	
...
05/04	GBN 111/04	05/04	Trả phí lãi vay cho ngân hàng Vietinbank tháng 04/2013 bằng chuyển khoản.	112	8.355.288	
...
04/07	GBN 104/07	04/07	Trả phí lãi vay cho ngân hàng Vietinbank tháng 07/2013 bằng chuyển khoản.	112	6.355.288	
...
04/09	GBN 122/09	04/09	Trả phí lãi vay cho Ngân hàng Agribank tháng 09/2013 bằng chuyển khoản.	112	11.145.100	
...
31/12	GBN 6387/12	31/12	Công ty nhận được Phiếu báo Nợ tiền lãi vay Ngân hàng Á Châu tháng 12/2013.	112	8.412.980	
...
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.	911		152.559.898
			Cộng phát sinh		152.559.898	152.559.898

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và hoạt động tài chính, hoạt động khác được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

Căn cứ vào số liệu của kế toán doanh thu và kế toán chi phí chuyển sang, cuối kỳ kế toán thực hiện kết chuyển các khoản doanh thu, thu nhập vào bên Có của TK 911. Kết chuyển tất cả các khoản chi phí vào bên Nợ TK 911.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo các công thức sau:

$$\text{Doanh thu thuần và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} &= \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu HĐKD} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh} \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - 25\%$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN hiện hành}$$

Căn cứ luật thuế sửa đổi số 32 ngày 19/06/2013 Căn cứ khoản 1, điều 1, chương 1 thông tư 141 ngày 16/10/2013 thì doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ thì áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% từ ngày 01/07/2013 đồng thời theo nghị định số 92/2013/NĐ – CP ngày 16/10/2013 của Bộ tài chính quy định cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng kể từ ngày 01 tháng 07 năm 201, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm làm căn cứ xác định doanh thu được đối tượng áp dụng thuế suất 20% là tổng doanh thu của năm trước liền kề của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào chi tiêu mã số [01] và chỉ tiêu mã số [08] trên phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ tính thuế năm trước liền kề theo Mẫu số 03 –IA/TNDN kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN theo số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT – BTC ngày 06/11/2013 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp có tổng thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ khi thành lập đến hết kỳ tính thuế TNDN năm 2012 không đủ 12 tháng hoặc kỳ tính thuế đầu tiên của năm 2012 nhiều hơn 12 tháng theo quy định thì doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp được áp dụng thuế suất 20% quy định tại khoản này là doanh thu bình quân tháng của kỳ tính thuế TNDN năm 2012 không vượt quá 1,67 tỷ đồng.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong 6 tháng đầu năm 2013 thì doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp được áp dụng thuế suất 20% quy định tại khoản này là doanh thu bình quân của các tháng đầu năm 2013 tính đến hết ngày 30/06/2013 không vượt quá 1,67 tỷ đồng.

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng có doanh thu vào năm 2012 là hơn 14 tỷ đồng nên được hưởng chính sách miễn giảm theo quy định trên.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu kế toán;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- + TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.
- + TK 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành.

❖ **Nguyên tắc hạch toán:**

Cuối năm, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu thuần; doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có của TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán; Chi phí quản lý doanh nghiệp; Chi phí tài chính; Chi phí khác sang bên Nợ TK 911.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 Doanh nghiệp lỗ thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911. Doanh nghiệp lãi thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước :

Lợi nhuận trước thuế TNDN = Số phát sinh Có TK 911 – Số phát sinh Nợ TK 911

Thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế TNDN x Thuế suất thuế TNDN

Hiện tại theo quy định của luật thuế TNDN thì thuế suất TNDN là 25%

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận trước thuế để kết chuyển sang bên Có TK 421.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 bằng tổng số phát sinh bên Có TK 911 → Doanh nghiệp hòa vốn.

Tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng năm. Cuối năm, kế toán kết chuyển tổng số phát sinh trong năm vào các sổ sách có liên quan.

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2013 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2013. Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 15.552.445.560

+ Giá vốn hàng bán: 12.764.054.270

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 34.578.882

+ Chi phí tài chính: 152.559.898

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2.599.440.201

Kết quả kinh doanh = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh = 15.552.445.560 – 12.764.054.270 + 34.578.882 – 152.559.898 – 2.599.440.201 = 70.970.073 > 0

→ Doanh nghiệp lãi.

Thuế TNDN phải nộp = 35.485.037 x 20% + 35.485.037 x 25% = 15.968.266

Lãi sau thuế chưa phân phối = 70.970.073 – 15.968.266 = 55.001.807

Sau khi tính ra số thuế TNDN phải nộp kế toán tiến hành lập phiếu kế toán kết chuyển các khoản doanh thu (**Biểu số 2.21**), các khoản chi phí, thuế

TNDN và lãi sau thuế TNDN (**Biểu số 2.22**). Sau đó kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.23**), từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ Cái TK 911 (**Biểu số 2.24**) và các sổ Cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán lập bảng Cân đối phát sinh và sau đó tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.21:**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số : 97/12

STT	Diễn giải	Tài khoản ghi Nợ	Tài khoản ghi Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	511	911	15.552.445.560
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	515	911	34.578.882
	Cộng			15.587.024.442

Người lập sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Biểu số 2.22:****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số : 98/12

STT	Diễn giải	Tài khoản ghi Nợ	Tài khoản ghi Có	Số tiền
2	Kết chuyển giá vốn hàng bán.	911	632	12.764.054.270
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	911	642	2.599.440.201
5	Kết chuyển chi phí tài chính.	911	635	152.559.898
7	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	15.968.266
8	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.	911	421	55.001.807
	Cộng			15.587.024.442

Người lập sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.23 :

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
31/12	PKT 97	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	15.552.445.560	15.552.445.560
31/12	PKT 97	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	34.578.882	34.578.882
31/12	PKT 98	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	12.764.054.270	12.764.054.270
31/12	PKT 98	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.599.440.201	2.599.440.201
31/12	PKT 98	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	152.559.898	152.559.898
31/12	PKT 98	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	15.968.266	15.968.266
31/12	PKT 98	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	55.001.807	55.001.807
31/12	PKT 99	Xác định thuế TNDN hiện hành	821	3334	15.968.266	15.968.266
		Cộng phát sinh			84.888.115.185	84.888.115.185

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24: Trích sổ Cái TK 911

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn-HP

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – “ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh”

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT 97/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	511		15.552.445.560
31/12	PKT 97/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	515		34.578.882
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	12.764.054.270	
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	642	2.599.440.201	
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.	635	152.559.898	
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	15.968.266	
31/12	PKT 98/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.	421	55.001.807	
			Cộng phát sinh		15.587.024.442	15.587.024.442

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25:**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****Năm 2013**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	15.552.445.560	14.599.120.211
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	15.552.445.560	14.599.120.211
4	Giá vốn hàng bán	11	12.764.054.270	11.163.260.977
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.788.391.290	3.435.859.234
6	Doanh thu tài chính	21	34.578.882	28.000.731
7	Chi phí tài chính	22	152.559.898	252.662.631
	<i>Trong đó chi phí lãi vay:</i>	23	152.559.898	252.662.631
8	Chi phí bán hàng	24	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.599.440.201	2.627.841.638
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	70.970.073	583.355.696
11	Thu nhập khác	31	-	-
12	Chi phí khác	32	-	-
13	Lợi nhuận khác	40		-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	70.970.073	583.355.696
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15.968.266	145.838.924
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	55.001.807	437.516.772
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

(*): Chỉ tiêu này chỉ áp dụng cho công ty cổ phần.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Mặc dù công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng mới hoạt động được 9 năm nhưng với nỗ lực cố gắng không ngừng khẳng định chỗ đứng trên thị trường. Để có được chỗ đứng trên thị trường như ngày hôm nay công ty không thể không kể đến những khía cạnh sau:

Bộ máy tổ chức kế toán của công ty tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhiệm chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo được chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được năng lực làm việc của bản thân.

Về *nhân sự*, bộ máy kế toán phù hợp với của khối lượng công việc kế toán tại công ty do đội ngũ kế toán trẻ trung, năng động.

Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng:

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và phát lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung với ưu điểm: dễ hiểu, dễ

ghi chép, dễ áp dụng và dễ phát hiện sai sót, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty. Đây là hình thức kế toán đơn giản, mẫu sổ dễ hiểu việc ghi chép dựa trên các cơ sở chứng từ hợp pháp đã được sắp xếp khoa học nên số liệu trên sổ kế toán trùng khớp với số liệu trên chứng từ.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với biểu mẫu Nhà nước quy định, trình tự luân chuyển hợp lý.

❖ **Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:**

+ *Về kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ *Về kế toán chi phí:* Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào sổ sách. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ *Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:* Cuối kỳ, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ luôn được cung cấp một cách chính xác và kịp thời. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng còn bộc lộ những hạn chế sau:

Hạn chế thứ 1: Việc sử dụng một số tài khoản, các nghiệp vụ phát sinh còn chưa hợp lý làm ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận trong kỳ hạch toán. Cụ thể TK 642 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên, công ty chưa tiến hành khai báo chi tiết theo đối tượng chi phí như: Chi phí tiền lương công nhân viên quản lý; Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý, thuế, lệ phí và các chi phí bằng tiền khác,... Bên cạnh đó, công ty lại không mở các tài khoản cấp 3 cho TK 511, TK 632 làm ảnh hưởng đến việc theo dõi hạch toán chi tiết kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng chưa rõ ràng.

Hạn chế thứ 2: Về trích lập dự phòng+ *Nợ phải thu khó đòi:*

Hàng năm, công ty có vận chuyển hàng hóa cho rất nhiều các khách hàng trên địa bàn miền Bắc, một số khách hàng miền Trung và miền Nam. Tuy nhiên, hầu hết các khách hàng khi mua dịch vụ (vận chuyển hàng hóa) tại công ty thường chỉ trả trước một phần còn lại trả sau. Vì thế, sẽ có khách hàng sau một thời gian không có khả năng trả số nợ còn lại do gặp phải một số khó khăn trong quá trình kinh doanh như: khách hàng bị phá sản hoặc mất khả năng thanh toán,... Nhưng công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng lại không trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Điều này có thể gây khó khăn cho công ty, dẫn đến hiệu quả kinh doanh giảm. Tình hình công nợ phải thu của công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng được báo cáo khái quát qua (**Biểu số 3.1**)

+ *Hạn chế hàng tồn kho:*

Thời gian gần đây bất động sản đóng băng, các dự án về xây lắp đình trệ xu hướng giảm đáng kể cho nên lượng bán ra giảm cũng như giá cả của các vật liệu xây dựng tăng giảm thất thường nhưng công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho làm ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Biểu số 3.1:**BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG****Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Số tiền	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được
VL	Công ty TNHH Mai Dịch	222.010.897		222.010.897		
SL	Công ty CP Sông Lô	12.356.985			12.356.985	
BH	Công ty TNHH Bạch Hoa	17.511.990				17.511.990
...
Cộng		1.092.908.848	547.406.840	323.264.906	112.765.112	17.511.990

Hạn chế thứ 3: Việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không thực hiện chính sách chiết khấu cho khách hàng thanh toán sớm so với thời hạn ghi trên hợp đồng hay đặt tiền hàng trước sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

Hạn chế thứ 4: Việc theo dõi từng mặt hàng làm cho kết quả kinh doanh của mặt hàng đó được chính xác. Hiện nay tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn làm cho công tác quản trị không sát thực, không thực sự giúp doanh nghiệp có những hướng phát triển đúng.

Hạn chế thứ 5: Hệ thống ghi chép của công ty còn thủ công nên đôi khi gây ra sự chậm chễ và kém hiệu quả trong quá trình làm việc. Bên cạnh đó, đội ngũ công nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nhiều người chưa có kiến thức chuyên môn vững chắc dẫn đến hiệu quả làm việc không cao.

3.1.3 . Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

3.1.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.

Nước ta đang trong quá trình đổi mới, quá trình cạnh tranh càng khốc liệt, bất kể doanh nghiệp nào cũng mong muốn tìm kiếm lợi nhuận cao nhất. Các nhà quản lý phải sáng suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh và kế toán là một công cụ không thể thiếu trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính. Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trước tiên là vì lợi ích và hiệu quả của chính bản thân doanh nghiệp sau đó là vì lợi ích và hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Trong công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp kế toán kết quả kinh doanh là phần hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phần hành kế toán khác. Do đó, việc hoàn thiện phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa, công tác kế toán do đó sẽ tiết kiệm được thời gian, chi phí cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được nguồn thông tin kế toán chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu. Như vậy, hoàn thiện kế toán kết quả kinh doanh cũng là tăng cường hiệu quả quản lý, tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy, công tác hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với biến động của nền kinh tế thị trường.

3.1.3.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng về nhu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng phải dựa trên các nguyên tắc sau:

+ Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán tại mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

+ Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực, quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với mình. Khi áp dụng phù hợp, công tác kế toán sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán vì mục tiêu cuối cùng là nhằm giảm bớt sự phức tạp, giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ, phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ các bộ nhân viên phòng kế toán.

+ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác, góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao để chi phí bỏ ra là thấp mà hiệu quả thu được là cao khi đó việc hoàn thiện mới thực sự có kết quả tốt.

+ Với kinh nghiệm còn ít của nhân viên công ty nên khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên học hỏi và trau dồi thêm kiến thức cần thiết.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Qua quá trình thực tập tại công ty trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà công ty còn tồn tại những vấn đề hạn chế và nếu khắc phục được thì phần hành kế toán của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Vì vậy, bài khóa luận của em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty:

❖ **Kiến nghị 1: Vận dụng hệ thống tài khoản kế toán:**

➤ *Tài khoản hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và tài khoản hạch toán giá vốn hàng bán:*

Để tiện cho việc theo dõi, kế toán có thể phân loại hàng hóa thành một số nhóm hàng nhất định với từng đặc tính cụ thể như: đá, xi măng, sắt, thép lồng, ống công,... Khi đó kế toán nên mở TK 632, TK 511 theo từng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty có thể mở các tài khoản chi tiết như:

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; TK 5111: Doanh thu hoạt động thương mại:

- + TK 51111 – U: Doanh thu bán thép hình chữ U

- + TK 51111 – I: Doanh thu bán thép hình chữ I

- + TK 51112 – L: Doanh thu bán thép lá

- + ...

- TK 632 – Giá vốn hàng bán; TK 6321: Giá vốn hoạt động thương mại:

- + TK 63211 – U: Giá vốn hàng bán thép hình chữ U

- + TK 63211 – I : Giá vốn hàng bán thép hình chữ I

- + ...

➤ *Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp công ty cũng nên mở theo dõi chi tiết cho từng đối tượng chi phí như sau:*

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như: Tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT,...

- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí về vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ.

- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng, văn phòng: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ,...

- + TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.

- + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí như phí dịch vụ, phí chuyển tiền, phí tàu xe,...

+ *TK 6426 – Chi phí dự phòng*: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp: như tiền điện, điện thoại,...

+ *TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách,...

Cùng với việc mở các tài khoản chi tiết làm cho công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng chi tiết hơn, cụ thể hơn.

- **Ví dụ minh họa:** Doanh thu bán thép hình chữ U (**Biểu số 3.2**)

Biểu số 3.2

Mẫu số S035 – DN

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
 Địa chỉ: SỐ 12, ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn, Hải Phòng Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thép hình chữ U

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	ĐG	Thành tiền	Thuế	Khác
16/12	HĐ 0025036	16/12	Bán thép hình chữ U cho công ty Mai Hoa	111	1510	17.500	26.425.000		
...
22/12	HĐ 0025053	22/12	Bán thép chữ U cho công ty Thạch Tín	131	1120	17.500	19.600.000		
...
			Cộng số phát sinh		32.520		569.110.566		
			Doanh thu thuần				569.110.566		
			Giá vốn hàng bán				500.598.756		
			Lợi nhuận gộp				68.511.810		

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

❖ Kiến nghị 2: Công ty nên trích lập các khoản dự phòng:

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra, đặc biệt là sự giảm giá của hàng hóa cũng như sự biến động giá cả trên thị trường hiện nay thì việc trích lập các khoản phải thu khó đòi là rất cần thiết. Để lập các khoản phải thu khó đòi kế

toán sử dụng các tài khoản sau:

- + TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- + TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.
- + TK 352 – Dự phòng phải trả.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

✓ *Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi:*

Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế; Khế ước vay nợ; Bản thanh lý hợp đồng; Cam kết nợ; Đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức tín dụng,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

✓ *Phương pháp lập dự phòng:*

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

✓ *Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:*

Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này:

Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ;

Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

➤ *Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.*

▪ **Chứng từ sử dụng:** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng,...

▪ **Tài khoản sử dụng:** TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

▪ **Kết cấu TK 139:**

Bên Nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;

Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên Có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có:

Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

▪ **Trình tự hạch toán:**

1. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định được là không chắc chắn thu được, tính toán mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 139: Số tiền trích lập dự phòng

2. Cuối kỳ kế toán sau:

Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập:

+ *Cuối kỳ trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:*

Nợ TK 139: Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

+ *Nếu lớn hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:*

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 139: Số tiền trích lập thêm

3. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 139: (Nếu chưa lập dự phòng)

Nợ TK 642: (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131, 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 – “Nợ khó đòi đã xử lý”

4. Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112,... Số tiền thực tế đã thu hồi

Có TK 711: Số tiền thực tế đã thu hồi

Đồng thời ghi Có TK 004 – “Nợ khó đòi đã xử lý”

Biểu số 3.3:

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2013

STT	Tên khách hàng	Số nợ phải thu	Thời gian quá hạn thanh toán	Khả năng thanh toán	Tỷ lệ trích lập dự phòng (%)	Số trích lập dự phòng
1						
...
Cộng						

▪ **Ví dụ minh họa:**

Tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 có phát sinh những khoản nợ quá hạn cho là 112.765.112 đồng (**Biểu số 3.4**), số tiền nợ không đòi được là 17.511.990 đồng. Nhưng công ty không tiến hành trích lập dự phòng cho khoản nợ khó đòi này và xóa sổ khoản nợ không đòi được. Theo quy định của Nhà nước, khoản nợ quá hạn công ty cần tính toán trích lập dự phòng theo tỷ lệ trên số tiền trích lập là: 50.322.408 đồng. Vậy kế toán sẽ trích lập cho khoản nợ quá hạn là:

Nợ TK 642: 50.322.408

Có TK 139: 50.322.408

Còn đối với các khoản nợ không đòi được của các công ty như công ty TNHH cung ứng vật tư Bạch Hoa do công ty đã bị phá sản nhưng công ty không xóa sổ. Vậy công ty cần xóa sổ khoản nợ này:

Nợ TK 642: 17.511.990

Có TK 131: 17.511.990

Nợ TK 004: 17.511.990

Biểu số 3.4:

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12, ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn, Hải Phòng

BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Số tiền	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được
VL	Công ty TNHH Mai Dịch	22.010.897	3.050.643	18.960.245		
SL	Công ty CP Sông Lô	12.356.985			12.356.985	
BH	Công ty TNHH Bạch Hoa	17.511.990				17.511.990
...
Cộng		1.092.908.848	547.406.840	323.264.906	112.765.112	17.511.990

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên và đóng dấu)

➤ **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Do những năm gần đây giá hàng hóa tăng cao công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong tương lai.

Dự phòng được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ vào cuối kỳ kế toán năm khi lập Báo cáo tài chính. Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa để xác định khoản dự phòng.

▪ **Chứng từ sử dụng:**

+ Hóa đơn GTGT; Chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng;

+ Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng;

+ Bảng Tổng hợp mức lập dự phòng và các chứng từ có liên quan

▪ **Tài khoản sử dụng:**

TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

▪ **Kết cấu TK 159:**

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

▪ **Trình tự hạch toán:**

1. Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho, tính toán mức dự phòng cần lập lần đầu, ghi:

Nợ TK 632: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 159: Số tiền trích lập dự phòng

2. Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn khoản dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn phải được trích lập thêm:

Nợ TK 632: Số tiền trích lập thêm

Có TK 159: Số tiền trích lập thêm

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159: Số tiền hoàn nhập

Có TK 632: Số tiền hoàn nhập

Như vậy, việc lập nên các khoản dự phòng sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định, tăng độ chính xác tin cậy cho các thông tin kế toán đưa ra.

❖ Kiến nghị 3: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là khoản tiền khách hàng được hưởng theo thỏa thuận do thanh toán trước thời hạn so với quy định của hợp đồng kinh tế nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng cho chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- + Lãi suất huy động và cho vay của Ngân hàng hiện nay;
- + Thời gian thanh toán tiền hàng;
- + Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại.

Sau khi xác định được mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua TK 635 – Chi phí tài chính.

- Kết cấu TK 635 – Chi phí tài chính

Bên Nợ:

Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
Chiết khấu thanh toán cho người mua;
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử

dụng hết);

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

▪ **Trình tự hạch toán:**

Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá, dịch vụ được hưởng do thanh toán trước hạn phải thanh toán theo thoả thuận khi mua, bán hàng, ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112,.. .

1. Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911, ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Tập hợp chiết khấu thanh toán

❖ **Kiến nghị 4: Về việc theo dõi kết quả kinh doanh từng mặt hàng:**

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng nên mở sổ chi tiết theo dõi cho từng đối tượng doanh thu để có thể đối chiếu kiểm tra một cách chính xác doanh thu tiêu thụ từng mặt hàng. Từ đó, có phương hướng kinh doanh cho phù hợp với nhu cầu và sự phát triển của thị trường. Đối với các chi phí liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng như sau:

Biểu số 3.5:

BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH CHO TỪNG MẶT HÀNG
Năm 2013

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu	Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kết quả HKKD
I.Hoạt động thương mại						
1.Xi măng						
...
II.Hoạt động xây lắp						
1.Công trình nhà máy Nhiệt điện Mông Dương II						
2. Công trình Nhà máy điện tử Sam Sung – Thái Nguyên						
...
Cộng						

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

❖ Kiến nghị 5: Hoàn thiện công tác ghi chép sổ sách kế toán và bộ máy kế toán.

Công ty nên tổ chức ở phòng kế toán một bộ phận kế toán quản trị để tiến hành cung cấp thông tin cho quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện cũng như kiểm tra, đánh giá kế hoạch để nhằm đạt được những mục tiêu đề ra. Hiện nay, công ty cũng đã có kế hoạch sử dụng hệ thống máy vi tính nhằm giúp kế toán giảm khối lượng công việc nhưng những chứng từ kế toán vẫn được thực hiện bằng việc ghi chép là chủ yếu. Điều này đôi khi gây ra sự chậm trễ trong trường hợp khối lượng công việc nhiều hoặc có việc đột xuất cần thông tin ngay nên rất bất lợi trong công việc. Với sự phát triển của công nghệ thông tin ngày càng cao cũng như sự hoạt động của công ty ngày càng mở rộng em nghĩ công ty nên trang bị thêm phần mềm kế toán phù hợp để nâng cao chất lượng công việc.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như Misa, CSN, FTS,... Mỗi phần mềm đều có những ưu và nhược điểm riêng. Dưới đây là phần mềm kế toán em cho là phù hợp nhất với công ty.

Ngoài ra công ty cũng nên khuyến khích cán bộ, công nhân viên tích cực trau dồi khả năng chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc sao cho đạt hiệu quả tốt nhất.

Phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2012:



KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng đã và đang không ngừng hoàn thiện mình để ngày càng lớn mạnh và phát triển hơn nữa. Chính vì vậy, công tác kế toán của công ty càng phải tự trú trọng những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu để nâng cao vai trò giúp ban quản trị công ty ra quyết định đúng đắn trong công tác quản lý cũng như đưa ra những phương án kinh doanh mới.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tế tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng, em càng nhận thấy rõ hơn vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời nhận thấy những vấn đề còn tồn đọng trong công tác hạch toán tại đơn vị. Vì vậy, với những kiến thức đã học cũng với thời gian trải nghiệm thực tế, em xin được đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Tuy nhiên, với trình độ còn hạn chế và lần đầu được tiếp cận thực tế công tác kế toán tại đơn vị nên không tránh khỏi những thiếu sót với bài luận này. Em rất mong nhận được sự quan tâm, chỉ bảo, đóng góp ý kiến nhận xét của thầy cô.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.s Nguyễn Văn Thụ, cùng các anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Huy Dũng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày..... tháng.....năm 2014

Sinh viên thực hiện

Bùi Hồng Nhung